|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐẮK LẮK** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:         /ĐA-UBND  **Dự thảo** | *Đắk Lắk, ngày       tháng       năm 2025* |

**ĐỀ ÁN**

**SẮP XẾP CÁC TỈNH ĐẮK LẮK VÀ PHÚ YÊN**

Căn cứ Nghị quyết Hội nghị 11 Ban Chấp hành trung ương, các Kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư: Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính (ĐVHC) năm 2025; Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; sau khi phối hợp, thống nhất với tỉnh Phú Yên, UBND tỉnh Đắk Lắktrình Chính phủ Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh như sau:

**Phần I**

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT**

**SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ**

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

2. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Hội nghị lần thứ XI Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII.

3. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

4. Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

5. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 65/2025/QH15.

6. Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp ĐVHC năm 2025;

7. Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/4/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp ĐVHC và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

8. Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

9. Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại ĐVHC các cấp và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

10. Hướng dẫn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo về định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức CQĐP 02 cấp; về tổ chức bộ máy, CBCCVC khi thực hiện sắp xếp.

11. Quyết định số [376/QĐ-TTg](about:blank) ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

12. Quyết định số [377/QĐ-TTg](about:blank) ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

13. Quyết định số [1746/QĐ-TTg](about:blank) ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

14. Quyết định số [1747/QĐ-TTg](about:blank) ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

**II. SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Thực hiện Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; Kết luận số 137-KL/TW ngày 29/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

UBND tỉnh Đắk Lắk và UBND tỉnh Phú Yên đã tổ chức rà soát tổng thể các ĐVHC về quy mô dân số, diện tích, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch của tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển ngành, mở rộng không gian phát triển, phát huy lợi thế so sánh, đáp ứng yêu cầu phát triển đối với từng địa phương và yêu cầu, định hướng phát triển của giai đoạn mới... làm cơ sở, căn cứ khoa học trong sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên. Trong đó, xác định rõ khu vực đô thị, nông thôn, miền núi, vùng cao, quy mô dân số, diện tích, lịch sử, văn hoá, các vấn đề về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, dân tộc, tôn giáo... để thực hiện sắp xếp ĐVHC của 02 tỉnh bảo đảm các điều kiện hoạt động thuận lợi, đồng bộ, liên thông, hiệu lực, hiệu quả trước, trong và sau khi sắp xếp.

Qua tổ chức rà soát hiện trạng ĐVHC các cấp trên địa bàn 02 tỉnh, tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện: Buôn Đôn, Cư M'gar, Cư Kuin, Ea H'leo, Ea Kar, Ea Súp, Krông Ana, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Lắk và M'Drắk; có 180 đơn vị hành chính cấp xã *(trong đó: 18 phường, 13 thị trấn và 149 xã)*, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên địa phương cấp huyện** | **Số lượng**  **thị trấn** | **Số lượng phường** | **Số lượng xã** | **Cộng** |
| 1 | Thành phố Buôn Ma Thuột |  | 11 | 8 | **19** |
| 2 | Thị xã Buôn Hồ |  | 7 | 4 | **11** |
| 3 | Huyện Ea H’leo | 1 |  | 11 | **12** |
| 4 | Huyện Ea Súp | 1 |  | 9 | **10** |
| 5 | Huyện Krông Năng | 1 |  | 11 | **12** |
| 6 | Huyện Krông Búk | 1 |  | 6 | **7** |
| 7 | Huyện Buôn Đôn |  |  | 7 | **7** |
| 8 | Huyện Cư M’gar | 2 |  | 15 | **17** |
| 9 | Huyện Ea Kar | 2 |  | 14 | **16** |
| 10 | Huyện M’Drắk | 1 |  | 12 | **13** |
| 11 | Huyện Krông Pắc | 1 |  | 15 | **16** |
| 12 | Huyện Krông Bông | 1 |  | 12 | **13** |
| 13 | Huyện Krông Ana | 1 |  | 7 | **8** |
| 14 | Huyện Lắk | 1 |  | 10 | **11** |
| 15 | Huyện Cư Kuin |  |  | 8 | **8** |
|  | **Cộng** | **13** | **18** | **149** | **180** |

Tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Tuy Hoà, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hoà và 06 huyện: Tây Hoà, Phú Hoà, Tuy An, Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân; có 106 đơn vị hành chính cấp xã *(trong đó: có 18 phường, 06 thị trấn và 82 xã)*, cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên địa phương cấp huyện** | **Số lượng**  **thị trấn** | **Số lượng phường** | **Số lượng xã** | **Cộng** |
| 1 | Thành phố Tuy Hoà |  | 9 | 3 | **12** |
| 2 | Thị xã Sông Cầu |  | 4 | 9 | **13** |
| 3 | Thị xã Đông Hoà |  | 5 | 5 | **10** |
| 4 | Huyện Tây Hoà | 1 |  | 10 | **11** |
| 5 | Huyện Phú Hoà | 1 |  | 8 | **9** |
| 6 | Huyện Tuy An | 1 |  | 14 | **15** |
| 7 | Huyện Sông Hinh | 1 |  | 10 | **11** |
| 8 | Huyện Sơn Hoà | 1 |  | 13 | **14** |
| 9 | Huyện Đồng Xuân | 1 |  | 10 | **11** |
|  | **Cộng** | **6** | **18** | **82** | **106** |

Việc sắp xếp các tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên là hoàn toàn phù hợp với chủ trương của Đảng và quy định pháp luật. Sau khi sắp xếp, tỉnh Đắk Lắk mới có không gian phát triển được mở rộng, quy mô dân số tăng, huy động nguồn lực, tạo lợi thế sẵn có của các địa phương để thúc đẩy phát triển, tinh gọn tổ chức, bộ máy và nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương, tạo thuận lợi người dân về sinh hoạt, đời sống và phát triển kinh tế, ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn vùng biên giới.

**Phần II**

**LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ HIỆN TRẠNG**

**ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

**I. KHÁI QUÁT LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của ĐVHC tỉnh Đắk Lắk**

Khái quát quá trình thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp và sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh Đắk Lắk từ năm 1945 đến nay *(chia ra các giai đoạn: 1945 - 1975; 1975 - 2003 và từ 2004 đến nay)*.

Tỉnh [Đắk Lắk](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) mới được thành lập lại ngày 0[2/7](https://vi.wikipedia.org/wiki/2_th%C3%A1ng_7)/[1923](https://vi.wikipedia.org/wiki/1923). Lúc mới thành lập, [Đắk Lắk](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) chưa chia huyện, tổng mà chỉ có đơn vị làng *(còn gọi là buôn hay bon)*. Năm [1931](https://vi.wikipedia.org/wiki/1931), trong cuộc cải cách hành chính toàn [Đông Dương](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%C3%B4ng_D%C6%B0%C6%A1ng), tỉnh [Đắk Lắk](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%AFk_L%E1%BA%AFk) được chia làm 5 quận, gồm có [Ban Mê Thuột](https://vi.wikipedia.org/wiki/Ban_M%C3%AA_Thu%E1%BB%99t), Buôn Hồ, Đắk Song, Lắk và M’Drắk, có 440 làng.

*1.1. Giai đoạn 1945-1975[[1]](#footnote-1):*

Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Về hành chính, cả nước được chia thành 3 bộ *(Bắc Bộ, Trung Bộ và Nam Bộ)* với 73 đơn vị hành chính cấp tỉnh *(thành phố, khu đặc biệt)*. Tỉnh Đắk Lắk thuộc Trung Bộ. Sau đó, để thống nhất chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tỉnh Đắk Lắk được đặt thuộc Ủy ban kháng chiến hành chính miền Nam Trung Bộ, thành lập thêm các huyện: Ba Roi, Ka Mil, Cheo Reo.

Thực hiện chủ trương kháng chiến kiến quốc của Chính phủ, từ cuối năm 1945 thành lập các chiến khu. Tỉnh Đắk Lắk thuộc Chiến khu 63. Trước ngày toàn quốc kháng chiến *(12/1946)*, các chiến khu là đơn vị quân sự. Từ sau toàn quốc kháng chiến kiêm cả chức năng hành chính, trở thành đơn vị quân sự - hành chính, gọi chung là “Chiến khu" hoặc "Khu". Lúc này, cả nước có 14 chiến khu, tỉnh Đắk Lắk vẫn thuộc Chiến khu 6. Tháng 10/1948, thực hiện hợp nhất các quân khu trên cả nước, Khu 6 *(còn được gọi là Khu Tây Nguyên)* hợp nhất với Khu 5 thành Liên khu miền Nam Trung Bộ *(Liên khu 5)*.

Ngay sau khi trở lại xâm lược miền Nam *(23/9/1945)*, thực dân Pháp tổ chức 5 tỉnh ở Tây Nguyên gồm Đắk Lắk, Đồng Nai Thượng, Lâm Viên, Pleiku, Kon Tum thành cái gọi là “Liên bang phụ trách các dân tộc sơn cước miền Nam Đông Dương", đặt trụ sở ở Buôn Ma Thuột. Năm 1950, chính quyền Bảo Đại ở vùng Pháp tạm chiếm đặt các tỉnh này thành một địa phận hành chính riêng gọi là “Cao nguyên miền Nam” thuộc “Hoàng triều cương thổ", ấn định một số quy định riêng cho đồng bào các dân tộc Tây Nguyên *(theo Dụ số 6 ngày 15/4/1950)*.

Sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954, vùng Tây Nguyên nói chung, Đắk Lắk nói riêng do chính quyền Sài Gòn quản lý. Chính quyền Sài Gòn hủy bỏ quy chế Hoàng triều Cương thổ và đặt tỉnh Đắk Lắk cũng như các tỉnh khác thuộc cao nguyên Trung phần của “Việt Nam Cộng hòa". Nghị định số 258-BNV/HC/NĐ ngày 08/8/1957 chuyển đổi thị trấn Buôn Ma Thuột thành xã Lạc Giao thuộc quận Buôn Ma Thuột. Ngày 02/7/1958, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 356-BNV/HC/NĐ ấn định các đơn vị hành chính tỉnh Đắk Lắk, gồm 5 quận với 21 tổng, 77 xã. Trong đó, quận Ban Mê Thuột có 4 tổng, quận Lạc Thiện *(đổi tên từ quận Lăk)* có 7 tổng, quận M'Đrắk có 4 tổng, quận Đắk Song có 2 tổng và quận Buôn Hồ có 4 tổng.

Ngày 23/01/1959, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 24-NV, cắt toàn bộ địa bàn quận Đắk Song *(trừ xã Đắk Lao ở phía Bắc)* và một phần quận Lắk hợp với một phần đất tách từ tỉnh Phước Long và tỉnh Lâm Đồng để thành lập tỉnh Quảng Đức; Ngày 17/4/1959, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh số 94-NV, cắt địa bàn tổng Krông Jing và tổng Krông Hing của quận M'Đrắk nhập về tỉnh Khánh Hòa để thành lập cơ sở phái viên hành chính Khánh Dương đặt thuộc quận Ninh Hòa.

Ngày 23/3/1962, chính quyền Sài Gòn ra Sắc lệnh 60-NV cắt một phần tỉnh Đắk Lắk để nhập vào tỉnh Quảng Đức; Ngày 04/7/1963, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 527-BNV/HC/NĐ đổi địa điểm dinh điền Tân Điền thành xã Tân Điền thuộc quận Buôn Ma Thuột, địa điểm dinh điền Đạt Hiểu thành xã Đạt Hiếu thuộc quận Buôn Hồ.

Ngày 17/12/1963, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 242-BNV/HC/NĐ thành lập cơ sở phái viên hành chính An Tram, trực thuộc quận Lạc Thiện; Ngày 20/12/1963, chính quyền Sài Gòn ra Nghị định số 262-BNV/HC/NĐ thành lập thêm một quận mới của tỉnh Đắk Lắk, lấy tên là quận Phước An, quận lỵ đặt tại Phước Trạch. Đến ngày 01/9/1965 lại dời quận lỵ tới xã Thuận Hiếu. Từ đó, địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk tương đối ổn định cho đến ngày được hoàn toàn giải phóng.

Về địa giới hành chính, theo miêu tả trong Địa phương chí tỉnh Đarlac do Tòa hành chính tỉnh Đắk Lắk thời chính quyền Sài Gòn ấn hành năm 1973 thì tỉnh Đắk Lắk được chia thành 4 quận với 48 xã, 343 ấp.

*1.2. Giai đoạn 1975 – 2003[[2]](#footnote-2)*

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, chính quyền cách mạng tỉnh Đắk Lắk tạm thời sắp xếp lại các đơn vị hành chính trong tỉnh. Đầu năm 1976, theo chủ trương của Trung ương, hai tỉnh Đắk Lắk và Quảng Đức được sáp nhập thành tỉnh Đắk Lắk. Lúc này, toàn tỉnh có 5 huyện *(Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Mil, Đắk Nông, Lắk)* và thị xã tỉnh lỵ Buôn Ma Thuột. Trong giai đoạn 1975 đến 2003, Chính phủ ban hành các Nghị quyết, Quyết định về điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các huyện, xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Tính đến 2003, toàn tỉnh có 18 đơn vị hành chính cấp huyện (*1 thành phố, 17 huyện)* với 203 đơn vị hành chính cấp xã *(13 phường, 18 thị trấn, 172 xã)*; gồm thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Đắk R'lấp, Đắk Nông, Đắk Mil, Ea Súp, Cư M'gar, Krông Ana, Cư Jút, Krông Nô, Krông Pắc, Ea Kar, Lắk, Krông Bông, Ea H'Leo, Krông Búk, Krông Năng, M'Đrắk, Buôn Đôn.

*1.3. Giai đoạn từ 2004 đến nay*

Ngày 26/11/2003, Quốc hội nước Cộng Hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Nghị quyết số 22/2003/QH11 về việc chia tách tỉnh Đắk Lắk thành hai tỉnh Đắk Lắk và Đắk Nông. Sau khi tách tỉnh, Đắk Lắk có 13 huyện, thành phố: thành phố Buôn Ma Thuột, các huyện Krông Búk, Ea Kar, Krông Ana, Ea Súp, Buôn Đôn, Lắk, M'Đrắk, Krông Pắc, Ea H'leo, Krông Bông, Cư M'Gar, Krông Năng; với 165 đơn vị hành chính cấp xã *(gồm, 13 phường, 13 thị trấn và 139 xã)*; đồng thời, trong giai đoạn 2004 đến nay, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ ban hành các Nghị quyết, Nghị định về điều chỉnh địa giới hành chính để thành lập các huyện, xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đến nay, số lượng ĐVHC các cấp đến thời điểm lập Đề án, tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện: Buôn Đôn, Cư M'gar, Cư Kuin, Ea H'leo, Ea Kar, Ea Súp, Krông Ana, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Lắk và M'Đrắk; có 180 đơn vị hành chính cấp xã *(trong đó: có 18 phường, 13 thị trấn và 149 xã).*

**2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của ĐVHC tỉnh Phú Yên**

**2.1. Địa lý hành chính Phú Yên thời kỳ Phong kiến**

Phú Yên là vùng đất có con người cư trú từ khá sớm, niên đại được xác định muộn nhất 2100 năm + 150 năm. Tuy vậy, địa danh Phú Yên được ghi chép trong lịch sử bắt đầu năm 1611, khi Văn Phong dẹp yên sự quấy phá của người Chiêm Thành, Nguyễn Hoàng lấy đất từ Cù Mông đến Thạch Bi đặt làm phủ Phú Yên gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa, thuộc dinh Quảng Nam. Năm 1629, phủ Phú Yên được đổi thành dinh Trấn Biên, sau đó là dinh Phú Yên, lại theo những chỗ duyên biên đặt làm 38 thuộc. Dinh Trấn Biên là đơn vị hành chính cao cấp của địa phương (như cấp tỉnh ngày nay). Từ năm 1808 đến 1826, dinh Phú Yên đổi thành trấn Phú Yên. Trấn Phú Yên gồm một phủ Phú Yên và hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Năm 1826, trấn Phú Yên đổi thành phủ Phú Yên, năm 1831 đổi thành phủ Tuy An thuộc tỉnh Bình Định. Phủ Tuy An gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Năm 1832, đổi thành tỉnh Phú Yên nhưng vẫn thuộc Tổng đốc Bình - Phú thống hạt. Năm 1853, đổi thành Đạo Phú Yên. Đạo Phú Yên có 2 huyện là Đồng Xuân và Tuy Hòa. Năm 1876, đặt lại tỉnh Phú Yên. Tri phủ Tuy An kiêm lý huyện Đồng Xuân, thống hạt huyện Tuy Hòa.

**2.2. Địa lý hành chính Phú Yên thời kỳ Pháp thuộc**

Theo hiệp ước triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp ngày 06/6/1884, thì Trung Kỳ gồm 12 tỉnh. Tỉnh Phú Yên thuộc Trung kỳ, các đơn vị hành chính gồm có: Huyện Đồng Xuân, Huyện Sơn Hòa, Phủ Tuy An, Phủ Tuy Hòa. Năm 1899, tỉnh Phú Yên chia thành 2 phủ và 2 huyện: Phủ Tuy An thống hạt huyện Đồng Xuân. Phủ Tuy Hòa thống hạt huyện Sơn Hòa. Trước năm 1904, đất Phú Yên trải dài từ biên giới Lào đến tận Madrack đều do người đại diện Củng Sơn (Sơn Hòa ngày nay) cai quản. Năm 1904 mới bị chia tách nhỏ do người Pháp lập những đại diện mới ở Madrack và Cheo Reo, phụ thuộc vào Đắc Lắc và KonTum. Ngày 25/4/1907, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định bãi bỏ tỉnh Pleiku, đại lý Cheo Reo nhập vào tỉnh Phú Yên, đặt dưới quyền cai quản của Công sứ Phú Yên. Các đơn vị hành chính Phú Yên lúc này gồm có: Phủ Tuy An, Phủ Tuy Hòa, Huyện Đồng Xuân, Huyện Sơn Hòa. Ngày 09/02/1913, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh KonTum. Địa bàn tỉnh KonTum gồm đại lý KonTum tách ra từ Bình Định, đại lý Cheo Reo tách ra từ Phú Yên. Phú Yên trở thành đại lý Phú Yên do Công sứ Bình Định cai quản. Ngày 17/10/1921, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định thành lập tỉnh Phú Yên. Đến ngày Cách mạng tháng 8/1945, tỉnh Phú Yên có 4 huyện: Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân và Sơn Hòa với 19 tổng (huyện Tuy Hòa 7 tổng, huyện Tuy An 5 tổng, huyện Đồng Xuân 3 tổng, huyện Sơn Hòa 4 tổng).

**2.3. Địa lý hành chính Phú Yên từ năm 1945 - 1954**

Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thông qua ngày 09/11/1946 qui định: Nước Việt Nam về phương diện hành chính gồm có 3 bộ: Bắc, Trung, Nam. Phú Yên là tỉnh thuộc Trung Bộ. Ngoài các đơn vị hành chính cấp bộ, tỉnh, huyện, xã, từ cuối năm 1945, thực hiện chủ trương của Chính phủ, các chiến khu được thành lập, mỗi chiến khu bao gồm một số tỉnh có liên quan về vị trí địa lý và quân sự. Phú Yên cùng với các tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Lâm Viên, Đồng Nai thượng lập thành chiến khu 6. Tháng 01/1948, khu 5 và khu 6 hợp nhất thành Liên khu miền Nam Trung Bộ gồm các tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định, Lâm Đồng, Gia Lai - Kon Tum, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Đắc Lắc, Pleiku. Thực hiện chủ trương của Chính phủ và Ủy ban Hành chính Trung Bộ, giữa năm 1946 các cấp hành chính tỉnh Phú Yên được chỉnh lại. Tỉnh Phú Yên có 4 huyện là Tuy Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sơn Hòa và khu Đồng Bò gồm các nơi ở của công nhân trồng mía từ Lương Phước đến Thạch Thành và ghép thêm một số xã của tổng Hòa Mỹ và Hòa Lạc của phủ Tuy Hòa. Cũng theo chủ trương của Ủy ban Hành chính Trung Bộ, năm 1946 tỉnh Phú Yên thành lập các chiến khu: Chiến khu I (Nam Tuy Hòa), Chiến khu II (nay là thị xã Tuy Hòa và Phú Hòa), Chiến khu III (huyện Tuy An), Chiến khu IV (huyện Sơn Hòa), Chiến khu V (huyện Đồng Xuân), chiến khu VI (huyện Sông Cầu).

**2.4. Địa lý hành chính Phú Yên từ năm 1954 - 1975**

Đây là thời kỳ 2 hệ thống chính quyền đối lập cùng tồn tại ở các địa phương:

Về phía chính quyền Sài Gòn, sau năm 1954, chính quyền Sài Gòn đổi gọi Bắc Việt, Trung Việt, Nam Việt là Bắc phần, Trung phần, Nam phần, sáp nhập cao nguyên miền Nam cũ với Trung Việt cũ thành Trung phần. Chia Trung phần ra Cao nguyên Trung phần và Trung nguyên Trung phần, Phú Yên thuộc Trung nguyên Trung phần. Nghị định số 263/BNV/HC/PC của Bộ trưởng Nội vụ Việt nam cộng hòa ngày 27/5/1958 ấn định đơn vị hành chính ở Phú Yên gồm 5 quận 48 xã: Quận Tuy Hòa đặt quận lỵ tại Tuy Hòa gồm 16 xã; Quận Sông Cầu đặt quận ly tại Sông Cầu gồm 5 xã; Quận Đồng Xuân đặt quận ly tại La Hai, gồm 5 xã; Quận Tuy An đặt quận lỵ tại Chí Thạnh, gồm 13 xã; Quận Sơn Hòa đặt quận ly tại Củng Sơn, gồm 8 xã. Sắc lệnh 65/NV, ngày 17/3/1959, lập một quận mới lấy tên là quận Phú Đức, phần đất của quận này gồm: Một phần đất phía đông nam Cheo Reo (nguyên thuộc tỉnh Pleiku). Một phần đất của tổng Cư-Dlieya (nguyên thuộc quận Buôn Hồ, tỉnh Đắc - Hai tổng Eabar và Krông Pa (nguyên thuộc quận Madrack, tỉnh Đắc Lắc). Hai xã Sơn Thành và Sơn Bình (nguyên thuộc quận Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên). Quận Phú Đức đặt tại Phú Bồn, tọa độ HQ - 735-355. Sắc lệnh số 120-NV, ngày 21/5/1959 nhập vào quận Đồng Xuân một phần đất của tổng IA-Piao, nguyên thuộc quận Cheo Reo, tinh Pleiku. Sắc lệnh số 121-NV, ngày 21/5/1959 nhập vào quận Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên các xã thuộc quận Cheo Reo, tỉnh Pleiku. Nghị định 723-NV, ngày 12/7/1962, thành lập một quận mới lấy tên là quận Hiểu Xương, quận ly đặt tại Hòa Phong gồm 7 xã: Đức Thành, Hòa Đồng, Hòa Thịnh, Hòa Phong, Hòa Mỹ, Hòa Tân và Hòa Bình. Nghị định số 304/TTP/ĐUHC-VNCH ngày 21/12/1963, nhập vào quận Hiếu Xương 4 xã Hòa Thành, Hòa Hiệp, Hòa Vinh và Hòa Xuân. Theo Nghị định trên, nhập vào quận Tuy Hòa hai xã An Chấn và An Thọ thuộc quận Tuy An.

Về phía cách mạng Chính quyền được thành lập trong vùng giải phóng và vùng bị tạm chiếm. Tuy nhiên về địa giới hành chính tỉnh, huyện, xã do chính quyền cách mạng phân chia nhìn chung tương tự như sự phân chia của chính quyền Sài Gòn, chỉ có khác nhau về tên gọi của huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa. Về phía cách mạng gọi huyện Tuy Hòa là Tuy Hòa I, thị xã Tuy Hòa là Tuy Hòa II, còn phía chính quyền Sài Gòn gọi là quận Hiếu Xương (Tuy Hòa I) và quận Tuy Hòa (Tuy Hòa II). Năm 1965, thành lập huyện Miền Tây. Năm 1970, Liên khu ủy cắt 3 xã Eabá, Eatrol, Eabia thuộc tỉnh Đắc Lắc, giao cho tinh Phú Yên để cùng các xã Đức Bình, Sông Hinh thành lập huyện Tây Nam. Đến ngày giải phóng (01/4/1975), tỉnh Phú Yên thuộc chính quyền Sài Gòn có 6 quận là: Tuy Hòa, Hiểu Xương, Tuy An, Sông Cầu, Đồng Xuân, Sơn Hòa, gồm 51 xã, diện tích 4.978 km2.

**2.5. Địa lý hành chính Phú Yên từ năm 1975 - 1988**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, chính quyền cách mạng được thiết lập. Để phù hợp với điều kiện quản lý và phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, về mặt địa lý hành chính có những thay đổi sau: Huyện Miền Tây, Tây Nam, Sơn Hòa nhập thành huyện mới lấy tên là huyện Tây Sơn. Quận Hiếu Xương đổi thành huyện Tuy Hòa. Thực hiện Nghị quyết số 245/NQ-TW ngày 20/9/1975 của Bộ Chính trị về việc bỏ khu hợp tỉnh và Nghị quyết số 19/NQ ngày 20/12/1975 của Bộ Chính trị về việc điều chỉnh, hợp nhất một số tỉnh miền Nam. Tháng 02/1976, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa Miền Nam ra Nghị định giải thể khu, hợp nhất tỉnh ở miền Nam Việt Nam. Theo Nghị định này, miền Nam có 20 đơn vị hành chính trực thuộc Trung ương, tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa nhập thành tỉnh Phú Khánh, tỉnh lỵ đặt tại Nha Trang. Quyết định số 49/CP của Hội đồng Chính phủ ngày **10/3/1977**, hợp nhất huyện Tuy An, Đồng Xuân và các xã Sơn Long, Sơn Định, Sơn Xuân, Phú Mã huyện Tây Sơn thành huyện mới lấy tên là huyện Xuân An; hợp nhất huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa thành huyện Tuy Hòa. Quyết định số 241/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 22/9/1978, chia huyện Tuy Hòa thành hai đơn vị hành chính lấy tên là huyện Tuy Hòa và thị xã Tuy Hòa. Thị xã Tuy Hòa có 6 phường và 2 xã Bình Kiến và Bình Ngọc. Cùng quyết định trên, chia huyện Xuân An thành hai huyện lấy tên là Tuy An và Đồng Xuân và chuyển các xã Sơn Xuân, Sơn Long, Sơn Định về huyện Tây Sơn. Quyết định số 48/HĐBT ngày 05/9/1981 của Hội đồng Bộ trưởng tách 6 xã của huyện Tuy Hòa là Hòa Trị, Hòa An, Hòa Thắng, Hòa Quang, Hòa Hội, Hòa Định nhập vào thị xã Tuy Hòa. Quyết định số 179/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 27/12/1984, chia huyện Tây Sơn thành hai huyện lấy tên là huyện Sông Hinh và huyện Sơn Hòa. Quyết định số 189/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ngày 27/6/1985 chia huyện Đồng Xuân thành hai huyện lấy tên là huyện Đồng Xuân và huyện Sông Cầu.

**2.5. Địa lý hành chính Phú Yên từ năm 1989 đến năm 2025**

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội khóa VIII kỳ họp thứ V ngày 30/6/1989, tỉnh Phú Khánh được tách thành hai đơn vị hành chính là tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa Tỉnh Phú Yên có 7 đơn vị hành chính là: thị xã Tuy Hòa, huyện Tuy Hòa, Tuy An, Sông Cầu, Đồng Xuân, Sơn Hòa và Sông Hinh. Nghị định số 15/CP của Thủ tướng Chính phủ, ngày 31/01/2002 chia Thị xã Tuy Hòa thành hai đơn vị hành chính, lấy tên là thị xã Tuy Hòa và huyện Phú Hòa. Qua những lần thay đổi địa giới hành chính và thành lập các đơn vị hành chính mới, đến năm 2002 toàn tỉnh có 07 huyện, 01 thị xã với 101 xã phường, thị trấn. Năm 2005, theo Nghị định 62/2005/NĐ-CP ngày 16/5/2005 của Chính phủ chia huyện Tuy Hòa thành 2 huyện Đông Hòa và Tây Hòa. Tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính: Thị xã Tuy Hòa và các huyện Đông Hòa, Tây Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sông Cầu, Sơn Hòa, Sông Hinh, Phú Hòa. Từ năm 2005 đến 2024, qua những lần thay đổi địa giới hành chính và thiết lập các đơn vị hành chính mới, đến nay, tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hòa và các huyện Tây Hòa, Tuy An, Đồng Xuân, Sơn Hòa, Sông Hinh, Phú Hòa; 106 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 82 xã, 18 phường và 06 thị trấn.

**II. HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP TỈNH THỰC HIỆN SẮP XẾP**

**1. Vị trí địa lý**

**1.1. Tỉnh Đắk Lắk**

Tỉnh Đắk Lắk là một trong 5 tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, nằm ở khu vực trung tâm của vùng. Tọa độ địa lý từ 12°9'45" đến 13°25'06" vĩ độ Bắc và 107°28'57"đến 108°59'37" kinh độ Đông; Độ cao trung bình 400-800m so với mặt nước biển, cao nhất là đỉnh núi Chư Yang Sin có độ cao 2442 m, đây cũng là đỉnh núi cao nhất ở Đắk Lắk. Phía Bắc giáp với tỉnh Gia Lai, phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng, phía Tây Nam giáp tỉnh Đắk Nông, phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa, phía Tây giáp với biên giới Vương quốc Campuchia.

**1.2. Tỉnh Phú Yên**

Phú Yên là một trong 13 tỉnh thuộc vùng Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung, nằm ở sườn Đông dãy Trường Sơn, trải dài từ 12042'36'' đến 13041'28'' vĩ độ Bắc và từ 108040'40'' đến 109027'47'' kinh độ Đông, phía Bắc giáp tỉnh Bình Định, phía Nam giáp Khánh Hòa, phía Tây giáp 2 tỉnh Đắk Lắk và Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông.

**2. Diện tích tự nhiên, Quy mô dân số và số ĐVHC trực thuộc**

**2.1. Tỉnh Đắk Lắk**

Tỉnh Đắk Lắk, có diện tích tự nhiên: 13.070,41 km2 đạt 163,38% so với tiêu chuẩn; với quy mô dân số thường trú: 2.292.503 người[[3]](#footnote-3) (*trong đó, Dân tộc thiểu số là 775.956 người, chiếm tỷ lệ 33,84%),* đạt 254,72 % so với tiêu chuẩn.

Số lượng ĐVHC cấp huyện: Tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ và 13 huyện: Buôn Đôn, Cư M'gar, Cư Kuin, Ea H'leo, Ea Kar, Ea Súp, Krông Ana, Krông Bông, Krông Búk, Krông Năng, Krông Pắc, Lắk và M'Drắk.

**2.2. Tỉnh Phú Yên**

Phú Yên có diện tích tự nhiên 5.025,99 km2 đạt 100,52% so với tiêu chuẩn; quy mô dân số thường trú **1.054.350**người (*trong đó, Dân tộc thiểu số là 62.653 người, chiếm tỷ lệ 5,98%)* đạt 75,31% so với tiêu chuẩn.

Số lượng ĐVHC cấp huyện: Tỉnh Phú Yên có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Tuy Hoà, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hoà và 06 huyện: Tây Hoà, Phú Hoà, Tuy An, Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân.

**3. Chức năng, vai trò**

**3.1. Tỉnh Đắk Lắk**

Tỉnh Đắk Lắk có vai trò, vị trí chiến lược quan trọng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của vùng Tây Nguyên; không chỉ là cửa ngõ kết nối giữa các tỉnh Tây Nguyên mà còn nằm trong tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam với nhiều cơ hội hợp tác, thu hút đầu tư quốc tế. Đắk Lắk nằm ở vị trí trung tâm của vùng Tây Nguyên, có khoảng cách tương đối đồng đều đến các trung tâm kinh tế của các tỉnh trong vùng và tiểu vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Tỉnh Đắk Lắk có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng nối liền với các tỉnh trong vùng Tây Nguyên và Duyên hải miền Trung. Có Quốc lộ 14 chạy xuyên dọc tỉnh nối với Gia Lai (phía Bắc) - Đắk Nông (phía Nam), với chiều dài 126 km; Quốc lộ 26 nối với Khánh Hòa (phía Đông) chiều dài 119 km; Quốc lộ 27 nối với Lâm Đồng (phía Nam) với chiều dài 88,5 km; Quốc lộ 29 nối với Phú Yên (phía Đông) - Cửa khẩu Đắk Ruê (phía Tây) với chiều dài 174,37 km; Quốc lộ 14C nối với Gia Lai - Đắk Nông và chạy dọc theo biên giới Campuchia, với chiều dài 96,5 km; Quốc lộ 19C nằm phía Đông tỉnh và nối với Phú Yên, với chiều dài 26,9 km; đường Trường Sơn Đông nối với Phú Yên và Lâm Đồng, đã bàn giao đưa vào sử dụng 52 km trong tổng chiều dài 130 km[[4]](#footnote-4).

Tỉnh Đắk Lắk là địa bàn có đến 49 dân tộc cùng sinh sống, vì vậy chú trọng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc, tạo cơ sở vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; có nền văn hoá Tây Nguyên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hoá khác biệt giữa các dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

Bên cạnh đó, tỉnh Đắk Lắk có diện tích tự nhiên đứng thứ 4 cả nước, trong đó có gần 5.400 km2 diện tích đất sản xuất nông nghiệp. Đa số là đất bazan màu mỡ, rất phù hợp để phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế, sản lượng cao hàng năm như cà phê, cao su, hồ tiêu, bơ, sầu riêng, xoài… Nổi bật nhất là cà phê Buôn Ma Thuột đã trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới. Ngoài các sản phẩm trên, Đắk Lắk còn có thế mạnh về ngô lai, mật ong, sắn, mía. Tỉnh đang chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu cũng như phát huy hiệu quả tối đa trong sản xuất nông nghiệp nhờ ứng dụng công nghệ hiện đại và có các tài nguyên phong phú như: Tài nguyên rừng; Tài nguyên mặt nước; Tài nguyên khoáng sản; Tài nguyên du lịch; Năng lượng; Khu, cụm công nghiệp ...

**3.2. Tỉnh Phú Yên**

Phú Yên giữ vị trí chiến lược, là cửa ngõ Đông - Tây kết nối vùng Duyên hải Nam Trung Bộ với khu vực Tây Nguyên; tâm điểm của trục Bắc - Nam và là cụm đầu mối giao thông đường bộ đường cao tốc Bắc - Nam, đường sắt Bắc – Nam, tuyến đường thủy với cảng biển nước sâu Vũng Rô có thể đón nhận được tàu trọng tải 100.000 tấn, Cảng hàng không Tuy Hòa.

Tỉnh Phú Yên là địa bàn có đến 33 dân tộc cùng sinh sống, vì vậy chú trọng củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gắn với bảo tồn và phát triển văn hóa truyền thống dân tộc, tạo cơ sở vững chắc cho bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; có nền văn hoá Phú Yên tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng, tôn trọng các giá trị văn hoá khác biệt giữa các dân tộc, điểm đến đặc sắc, hấp dẫn khách du lịch trong nước và quốc tế.

**4. Tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh**

**4.1. Tỉnh Đắk Lắk**

**4.1.1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

(1) Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP):

*- GRDP- theo giá so sánh 2010:* ước đạt 63.249 tỷ đồng, tăng 4,38% so với năm 2023, bằng 98,15% KH năm 2024 *(KH: 64.440 - 64.920 tỷ đồng, tăng 6,0-6,8%)*[[5]](#footnote-5)*.* Trong đó:

*+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 23.451 tỷ đồng, tăng 4,52% so với cùng kỳ, bằng 100,65% KH năm 2024 (KH: 23.300 - 23.500 tỷ đồng, tăng 4,03-4,92%).*

*+ Công nghiệp - xây dựng ước đạt 10.322 tỷ đồng, tăng 7,19% so với cùng kỳ, bằng 97,15% KH năm 2024 (KH: 10.625 - 10.750 tỷ đồng, tăng 9,84-11,14%). Riêng công nghiệp ước đạt 6.647 tỷ đồng, tăng 8,62% so với cùng kỳ, bằng 97,4% KH năm 2024 (KH: 6.825 - 6.850 tỷ đồng, tăng 12,23 - 12,64%).*

*+ Dịch vụ ước đạt 27.086 tỷ đồng, tăng 3,93% so với cùng kỳ, bằng 97,08% KH năm 2024 (KH: 27.900 - 28.050 tỷ đồng, tăng 6,66 - 7,24%).*

*+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 2.390 tỷ đồng, giảm 3,06% so với cùng kỳ, bằng 91,4% KH năm 2024 (KH: 2.615 - 2.620 tỷ đồng, tăng 2,0 - 2,19%).*

*- GRDP - theo giá hiện hành:* ước đạt 145.366 tỷ đồng, tăng 19,53% so với năm 2023, bằng 108,74% KH năm 2024 *(KH: 133.680 - 134.663 tỷ đồng, tăng từ 9,92 - 10,73%)*

*\* Cơ cấu kinh tế:* Nông, lâm, thủy sản chiếm 41,95%; công nghiệp - xây dựng chiếm 16,48%; dịch vụ chiếm 37,82%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 3,75% *(KH lần lượt là: 37,06% - 17,36% - 41,55% - 4,03%).*

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 74,7 triệu đồng/người *(KH: 68,8 triệu đồng/người).*

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 36.990 tỷ đồng, tăng 4,02% so với năm 2023, bằng 95,83% KH năm 2024 *(KH: 38.600 tỷ đồng, tăng 7,99%).*

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.650 triệu USD, tăng 10,3% so với năm 2023, bằng 103,1% KH năm 2024 *(KH: 1.600 triệu USD)*.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 105.000 tỷ đồng, tăng 4,96% so với năm 2023, bằng 105,2% KH năm 2024 *(KH: 99.800 tỷ đồng)*.

(6) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 8.500 tỷ đồng, tăng 7,68% so với năm 2023, bằng 100% dự toán HĐND tỉnh giao và bằng 121,43% dự toán Trung ương *(KH năm 2024: HĐND tỉnh giao 8.500 tỷ đồng; dự toán TW giao 7.000 tỷ đồng)*.

(7) Phát triển hạ tầng: Thủy lợi bảo đảm tưới chủ động cho trên 84,45% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới *(KH: 84,45%)*. Cải tạo, nâng cấp nhựa hoặc bê tông hóa ước đạt 97,17% các tuyến đường tỉnh, 96,97% các tuyến đường huyện, 79,98% các tuyến đường xã và liên xã *(KH lần lượt là: 97,17% - 96,92% - 71,96%)*.

(8) Phát triển doanh nghiệp (DN): Ước có 1.430 DN thành lập mới, tăng 2,9% so với năm 2023, bằng 77,3% KH năm 2024 *(KH: 1.850 DN)*. Lũy kế đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có khoảng 13.200 doanh nghiệp còn đăng ký, hoạt động (trong đó: Có 12.230 DN và 970 chi nhánh của DN ngoài tỉnh đăng ký hoạt động trên địa bàn tỉnh); có 75 HTX thành lập mới, đạt 125% KH *(KH: 60 HTX)*.

**4.1.2. Các chỉ tiêu xã hội:**

(9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 2,5% *(KH: giảm từ 1,5-2,0%)*, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 3,5% *(KH: giảm từ 3 - 4%)*. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị còn 2,4% *(KH: giảm 2,4%)*.

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm khoảng 57% *(KH: 57%)*; tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 64% *(KH: 64%)*, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 22,25% *(KH: 22,25%)*. Giải quyết việc làm cho khoảng 30.350 lao động, bằng 100,5% KH *(KH: 30.200 người)*, trong đó xuất khẩu lao động khoảng 1.700 người *(KH: 1.700 người)*.

(11) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 62%, tăng 1,08% so với năm 2023 *(KH: 62%)*.

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,6% *(KH: 17,6%)*. Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) ước đạt 29 giường/1 vạn dân *(KH: 29 giường/1 vạn dân)*. Số bác sỹ trên một vạn dân ước đạt 7,7 bác sỹ/1 vạn dân (KH: 7,7 bác sỹ/1 vạn dân). Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm Y tế ước đạt 93,5% *(KH: 93,5%)*.

(13) Đến cuối năm 2024, lũy kế có 81/149 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 54,36%) và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới *(KH: lũy kế có 85/151 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 56,29%) và 01 đơn vị cấp huyện hoàn thành Chương trình xây dựng nông thôn mới)*. *Hiện nay, toàn tỉnh có 149 xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm 02 xã (gồm: xã Ea Blang, thị xã Buôn Hồ; xã Hòa Tân, huyện Krông Bông) so với Nghị quyết của tỉnh đề ra do thực hiện sáp nhập theo Nghị quyết số 1193/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của UBTVQH về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2023-2025, sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Đắk Lắk có 149 xã.*

**4.1.3. Các chỉ tiêu môi trường:**

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ước đạt 30% *(KH: 30%)*. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 91,8% *(KH: 91,8%)*. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 92% *(KH: 92%)*. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh ước đạt 97,15% *(KH: 97%)*. Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) ước đạt 38,1% *(KH: 39,24%)*.

**4.1.4. Chỉ tiêu cải cách hành chính:**

(15) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) dự kiến tăng 5 bậc so với năm 2023 (KH: tăng 5-7 bậc so với năm 2023). Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến 1 phần và toàn trình trên tổng số hồ sơ ước đạt 100% (KH: 85%); Tỷ lệ trả kết quả theo hình thức trực tuyến (Số lượng kết quả được trả trực tuyến trên môi trường mạng/Số lượng kết quả giải quyết thủ tục hành chính) ước đạt 15% (KH: 15%).

**4.1.5. Chỉ tiêu Quốc phòng, an ninh:**

(16) Quốc phòng, an ninh: Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch; điều tra, khám phá 734/812 vụ phạm tội về trật tự xã hội, đạt tỷ lệ 90,39%, cao hơn kế hoạch 5,39% *(KH: 85%)*, trong đó án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng điều tra, làm rõ 119/124 vụ, đạt tỷ lệ 95,97%, cao hơn kế hoạch 5,97% *(KH: 90%)*. Cơ bản đảm bảo an ninh trật tự và an toàn xã hội trên địa bàn, tai nạn giao thông giảm trên cả 3 tiêu chí so với năm trước.

***\* Nguồn số liệu:*** *Báo cáo số 369/BC-UBND ngày 22/11/2024 của UBND tỉnh về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025.*

**4.2. Tỉnh Phú Yên**

**4.2.1. Các chỉ tiêu kinh tế:**

(1) Giá trị tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP):

*- GRDP- theo giá so sánh 2010:* ước đạt 33.039,5 tỷ đồng, tăng 6,17% so với năm 2023, bằng 98,15% KH năm 2024 *(KH: 64.440 - 64.920 tỷ đồng, tăng 6,0-6,8%)*[[6]](#footnote-6)*.* Trong đó:

*+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 7.414,5 tỷ đồng, tăng 4,26% so với cùng kỳ, bằng 100,65% KH năm 2024 (KH: 23.300 - 23.500 tỷ đồng, tăng 4,03-4,92%).*

*+ Công nghiệp - xây dựng ước đạt 10.138,1 tỷ đồng, tăng 7,48% so với cùng kỳ, bằng 97,15% KH năm 2024 (KH: 10.625 - 10.750 tỷ đồng, tăng 9,84-11,14%). Riêng công nghiệp ước đạt 6.614,7 tỷ đồng, tăng 7,45% so với cùng kỳ, bằng 97,4% KH năm 2024 (KH: 6.825 - 6.850 tỷ đồng, tăng 12,23 - 12,64%).*

*+ Dịch vụ ước đạt 14.062,3 tỷ đồng, tăng 6,39% so với cùng kỳ, bằng 97,08% KH năm 2024 (KH: 27.900 - 28.050 tỷ đồng, tăng 6,66 - 7,24%).*

*+ Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ước đạt 1.424,6 tỷ đồng, tăng 4,94% so với cùng kỳ, bằng 91,4% KH năm 2024 (KH: 2.615 - 2.620 tỷ đồng, tăng 2,0 - 2,19%).*

*- GRDP - theo giá hiện hành:* ước đạt 62.597,4 tỷ đồng, tăng 9,29% so với năm 2023, bằng 97,91% KH năm 2024 *(KH: 63.932 tỷ đồng, tăng 11,62%).*

*\* Cơ cấu kinh tế:* Nông, lâm, thủy sản chiếm 23,59%; công nghiệp - xây dựng chiếm 29,29%; dịch vụ chiếm 42,83%; thuế sản phẩm (trừ trợ cấp sản phẩm) chiếm 4,29% *(KH lần lượt là: 23,39% - 30,11% - 42,00% - 4,5%).*

(2) GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành) ước đạt 70,7 triệu đồng/người *(KH: 72,75 triệu đồng/người).*

(3) Huy động vốn đầu tư toàn xã hội ước đạt 21.800,7 tỷ đồng, giảm 4,38% so với năm 2023, bằng 88,98% KH năm 2024 *(KH: 24.500 tỷ đồng, tăng 7,46%).*

(4) Tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 333,4 triệu USD, tăng 18,9% so với năm 2023, bằng 116,98% KH năm 2024 *(KH: 285 triệu USD)*.

(5) Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ ước đạt 55.341,4 tỷ đồng, tăng 11,5% so với năm 2023, bằng 105,2% KH năm 2024 *(KH: 52.610 tỷ đồng)*.

(6) Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước trên địa bàn ước đạt 5.451 tỷ đồng, tăng 29,8% so với năm 2023, bằng 101,2% dự toán Trung ương và dự toán HĐND tỉnh giao *(KH năm 2024: dự toán TW và HĐND tỉnh giao 5.389 tỷ đồng)*.

(7) Phát triển hạ tầng: Hệ thống công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng khoảng 97% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới. Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh; tỷ lệ cứng hóa, nhựa hóa đường Quốc lộ đạt 100%, đường tỉnh đạt 97,96%; đường huyện đạt 87,95%; đường đô thị đạt 99,37%; đường xã đạt 89,5%.

(8) Phát triển doanh nghiệp (DN): Có 464 DN thành lập mới, giảm 6,9% so với năm 2023, bằng 82,86% KH năm 2024 *(KH: 560 DN)*. Lũy kế đến cuối năm 2024, trên địa bàn tỉnh có khoảng 3.728 doanh nghiệp còn đăng ký, hoạt động.

**4.2.2. Các chỉ tiêu xã hội**

(9) Tỷ lệ hộ nghèo giảm 0,78% *(KH: giảm 0,85%)*, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm 4,04% *(KH: giảm từ 3 - 4%)*. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị là 2,28%.

(10) Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng số lao động tham gia hoạt động kinh tế chiếm khoảng 57% *(KH: 57%)*; tỷ lệ lao động được đào tạo so với tổng số lao động ước đạt 78,02% *(KH: 78%)*, trong đó tỷ lệ có bằng cấp, chứng chỉ ước đạt 29,15% *(KH: 29%)*. Giải quyết việc làm cho khoảng 27.050 lao động, bằng 106% KH *(KH: 25.500 người)*, trong đó xuất khẩu lao động khoảng 360 người *(KH: 450 người)*.

(11) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia ước đạt 39,8%, tăng 24,56% so với năm 2023.

(12) Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 10,1%; Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi: 20,6% (KH <24%). Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã) đạt 31,5 giường (KH: 31giường). Số bác sỹ trên một vạn dân đạt 10,04 bác sỹ (KH: 9,3 bác sỹ). Điều chỉnh mức sinh: tăng 0,05 điểm ‰, đạt chỉ tiêu so với kế hoạch giao.

*(13) Đến cuối năm 2024, lũy kế có 64/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới (tương ứng tỷ lệ 78%). Hiện nay, toàn tỉnh có 82 xã thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm 01 xã (*d*o xã Bình Ngọc, TP. Tuy Hòa nhập vào Phường 1, TP. Tuy Hòa theo Nghị quyết số 1200/NQ-UBTVQH15 ngày 28/9/2024 của* Ủy *ban Thường vụ Quốc hội Về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Phú Yên giai đoạn 2023 – 2025, sau sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Phú Yên có 82 xã)*.

#### **4.2.3. Các chỉ tiêu môi trường:**

(14) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường ước đạt 100% *(KH: 100%)*. Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý ước đạt 98% *(KH: 98%)*. Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch ước đạt 94% *(KH: 94%)*. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh cơ bản đạt 100% *(KH: ~100%)*. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 47,5% *(KH: 47,5%)*.

**4.2.4. Chỉ tiêu cải cách hành chính:**

(15) Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2024 xếp vị thứ 36/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 16 bậc so với năm 2023; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp vị thứ 46/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tăng 5 bậc so với năm 2023.

**4.2.5. Các chỉ tiêu Quốc phòng, an ninh**

(16) Quốc phòng, an ninh: Tuyển quân đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch. Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội đảm bảo giữ vững ổn định. Đã tiếp nhận, giải quyết 1.554/1.704 tố giác, tin báo về tội phạm, đạt 91,2%, vượt 1,2% chỉ tiêu đề ra. Điều tra khám phá tội phạm về TTXH 449/508 vụ, đạt 88,4%, vượt 13,4% chỉ tiêu đề ra; trong đó, án rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng 139/149 vụ, đạt 93,3%, vượt chỉ tiêu 3,3%. Tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với năm 2023 (xảy ra 253 vụ, chết 145 người, bị thương 167 người).

*\* Nguồn số liệu: Báo cáo số 276/BC-UBND ngày 25/11/2024 của UBND tỉnh Phú Yên về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng – an ninh năm 2024 và nhiệm vụ kế hoạch năm 2025 và Công văn số 7711/UBND-TH ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh về việc cập nhật thông tin, số liệu phục vụ Kỳ họp thứ 23, HĐND tỉnh.*

**5. Các chính sách đặc thù hiện hưởng**

**5.1. Tỉnh Đắk Lắk**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đặc thù còn hiệu lực do Trung ương ban hành. Ngoài ra, tỉnh còn ban hành một số chế độ, chính sách đặc thù riêng, như:

**5.1.1. Về lĩnh vực Tài chính:**

Tại thành phố Buôn Ma Thuột đang hưởng chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 72/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 và được thực hiện trong 05 năm).

**5.1.2. Lĩnh vực Nội vụ**

(1) Nghị quyết số 02/2005/NQ-HĐND ngày 21/7/2005 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách cho đội công tác phát động quần chúng chuyên trách ở cơ sở của tỉnh được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND ngày 10/7/2009 của HĐND tỉnh.

(2) Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định chính sách ưu đãi tiêu chí xác định đối tượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt trong các lĩnh vực cần thu hút làm việc tại các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**5.1.3. Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường**

(1) Nghị quyết số 78/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 của HĐND tỉnh về việc quy định một số chính sách bảo tồn voi tỉnh Đắk Lắk được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 của HĐND tỉnh.

(2) Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(3) Quyết định số 13/2014/QĐ-UBND ngày 28/5/2014 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thực hiện các chính sách về bảo tồn Voi trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 27/12/2016 của UBND tỉnh.

**5.1.4. Lĩnh vực An ninh - Quốc phòng**

(1) Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Về phụ cấp hàng tháng của Thôn đội trưởng và trợ cấp ngày công lao động đối với Dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

(2) Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 24/8/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức hỗ trợ hàng tháng đối với Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng; số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho lực lượng dân phòng trên địa bàn tỉnh (đã bãi bỏ một phần tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND).

**5.1.5. Lĩnh vực khoa học công nghệ**

(1) Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh Quy định nội dung và mức chi cho các hoạt động hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025.

**5.2. Tỉnh Phú Yên**

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đặc thù còn hiệu lực do Trung ương ban hành. Ngoài ra, tỉnh còn ban hành một số chế độ, chính sách đặc thù riêng, như:

**5.2.1. Lĩnh vực Tài chính**

(1) Quy định mức quà tặng cho các đối tượng nhân ngày Thương binh - Liệt sĩ 27/7 và Tết Nguyên đán hàng năm trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 16/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(2) Quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

**5.2.2. Lĩnh vực Nội vụ**

(1) Quy định chế độ trợ cấp thôi việc đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(2)Quy định chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, khu phố dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên ***(****Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND**ngày 19/9/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

**5.2.3. Về lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường**

(1) Quy định mật độ chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 của UBND tỉnh Phú Yên)*

(2) Quy định khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết* *số 06/2021/NQ-HĐND ngày 11/8/2021)*

(3) Quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết* *số 16/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021)*

**5.2.4. Lĩnh vực dân tộc**

(1) Quy định chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số *(Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

**5.2.5. Lĩnh vực thể dục thể thao**

(1) Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao *(Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên).*

(2) Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 27/6/2016 quy định mức thưởng đối với vận động viên, huấn luyện viên của tỉnh lập thành tích tại các đại hội, giải vô địch thể thao quốc gia và các giải thi đấu của tỉnh;

(3) Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**5.2.6. Lĩnh vực Tư pháp**

(1) Quy định mua biểu mẫu hộ tịch, sổ hộ tịch *(Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(2) Quy định mức chi bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

**5.2.7. Lĩnh vực Giáo dục đào tạo**

(1) Quy định mức chi tổ chức các kỳ thi phổ thông cấp tỉnh và cấp quốc gia trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Quyết định số 34/2012/QĐ-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Phú Yên)*

(2) Quy định về khoảng cách và địa bàn làm căn cứ xác định học sinh không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; tỷ lệ khoán Kinh phí phục vụ việc nấu ăn cho học sinh trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 73/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(3) Quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(4) Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(5) Quy định các khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 34/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(6) Quy định hỗ trợ sữa học đường cho trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Phú Yên, giai đoạn 2024-2027 *(Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên)*

(7) Quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 17/4/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên).*

(8) Quy định nội dung, mức hỗ trợ khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tham gia học xóa mù chữ, thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên *(Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Phú Yên).*

**5.2.8. Lĩnh vực Y tế**

(1) Cho phép tiếp tục thực hiện chính sách thu hút, đào tạo và đãi ngộ bác sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên (*Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Phú Yên).*

(2) Quy định về quy trình xét chọn, hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số thôn, buôn, khu phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên(*Quyết định số 21/2022/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 của UBND tỉnh Phú Yên).*

**5.2.9. Lĩnh vực văn hoá**

(1) Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thư viện trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

(2) Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 18/10/2023 Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí tham quan danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

(3) Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 quy định định mức hoạt động và mức chi đặc thù của Đội tuyên truyền lưu động cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**6. Tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công chức trong hệ thống chính trị tại địa bàn**

**6.1. Tỉnh Đắk Lắk**

**6.1.1. Đảng bộ tỉnh**

- Hiện có 21 đảng bộ trực thuộc (gồm 13 đảng bộ huyện, 01 đảng bộ thị xã, 01 đảng bộ thành phố và 06 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy**([[7]](#footnote-7))**); trong đó có 828 tổ chức cơ sở đảng (369 đảng bộ cơ sở, 459 chi bộ cơ sở), 15 đảng bộ bộ phận, 4620 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; toàn tỉnh có 180 xã, phường, thị trấn với 2.198 thôn, buôn, tổ dân phố. Trong đó, 100% chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố đều có đảng viên là người tại chỗ và có chi bộ với 89.596 đảng viên.

- Về cơ cấu, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025:

+ Số lượng Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 53 đồng chí, hiện nay có 47 đồng chí.

+ Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 15 đồng chí, hiện nay có 11 đồng chí.

+ Số lượng Phó Bí thư Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 03 đồng chí, hiện nay có 01 đồng chí.

+ Bí thư Tỉnh ủy: 01 đồng chí.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy:

+ Có 05 cơ quan tham mưu giúp việc: Văn phòng, Ban Tổ chức, Cơ quan Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính.

+ Có 02 Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy gồm: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh:

+ Biên chế công chức được giao: 220 người, hiện có mặt 192 người

- Đơn vị sự nghiệp của Tỉnh ủy:

+ Có 02 đơn vị gồm: Trường Chính trị, Báo Đắk Lắk.

+ Biên chế viên chức được giao: 130 người, hiện có mặt 118 người.

**6.1.2. Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh**

- Hiện có 6 tổ chức gồm: Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Hội Nông dân; Hội Liên hiệp phụ nữ; Hội Cựu Chiến binh; Liên đoàn Lao động; Tỉnh đoàn.

- Biên chế công chức được giao: 143; hiện có mặt 132; hợp đồng lao động theo NĐ 111 của Chính phủ: 19.

- Biên chế viên chức được giao: 07; hiện có mặt 05.

**6.1.3. Khối Chính quyền tỉnh**

**6.1.3.1. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh**

- Gồm 08 đại biểu.

- Có 01 Phó Trưởng đoàn phụ trách (hoạt động chuyên trách).

**6.1.3.2. HĐND tỉnh (nhiệm kỳ 2021 - 2026)**

- Gồm 74 đại biểu, trong đó có 09 đại biểu hoạt động chuyên trách.

- Lãnh đạo HĐND tỉnh: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách).

- Thường trực HĐND tỉnh: Gồm 06 đại biểu: Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch HĐND, 03 Trưởng Ban.

- Có 03 Ban: Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội, Pháp chế.

+ Ban Kinh tế - Ngân sách: Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 07 Ủy viên (kiêm nhiệm).

+ Ban Văn hóa - Xã hội: Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 06 Ủy viên (kiêm nhiệm).

+ Ban Pháp chế**:** Trưởng ban, 01 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 05 Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh:

+ Lãnh đạo Văn phòng: Chánh Văn phòng, 03 Phó Chánh Văn phòng,

+ 04 phòng chuyên môn: 04 Trưởng phòng, 05 Phó Trưởng phòng, 18 chuyên viên; cụ thể: Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị (Trưởng phòng và 02 Phó Trưởng phòng), Phòng Công tác HĐND (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Thông tin, Dân nguyện (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Công tác Quốc hội (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng).

+ 11 lao động hợp đồng.

**6.1.3.3. UBND tỉnh**

- Hiện nay, Lãnh đạo UBND tỉnh Đắk Lắk nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có: 03 Phó Chủ tịch (đồng chí Chủ tịch đã nghỉ hưu trước tuổi từ ngày 14/4/2025).

- Có 13 sở và cơ quan tương đương sở gồm: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thanh tra tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan hành chính khác trực thuộc UBND tỉnh: Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh. Ngoài ra có Đội phát động quần chúng tỉnh hiện đang hoạt động dưới sự chỉ đạo chuyên môn của Ban Tuyên giáo và Dân vận tỉnh.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh: Có 07 đơn vị gồm: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Trường Cao đẳng Y tế, Trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật, Trường Cao đẳng Đắk Lắk, Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh, Ban QLDA đầu tư XDCT Giao thông và Nông nghiệp phát triển nông thôn tỉnh, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng công nghiệp tỉnh.

- Biên chế công chức được giao: 1.389 người, hiện có mặt 1.300 người.

- Biên chế viên chức được giao: 10.340, hiện có mặt 10.668 người (bao gồm 1.599 viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp nhóm 1, 2 không thực hiện giao biên chế).

**6.1.4. Khối chính quyền cấp huyện (gồm HĐND và UBND)**

- Hiện tỉnh Đắk Lắk có 15 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: TP Buôn Ma Thuột, thị xã Buôn Hồ, huyện Buôn Đôn, huyện Cư M'gar, huyện Ea H'leo, huyện Ea Kar, huyện Ea Súp, huyện Krông Ana, huyện Krông Bông, huyện Krông Buk, huyện Krông Năng, huyện Krông Pắc, huyện Lăk, huyện M'Drắk, huyện Cư Kuin.

- Biên chế công chức được giao: 1.496, hiện có mặt 1.275 người.

- Biên chế viên chức được giao: 26.803, hiện có mặt 24.138 người (bao gồm 163 viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp nhóm 1, 2 không thực hiện giao biên chế).

**6.1.5. Khối chính quyền cấp xã (gồm HĐND và UBND)**

- Hiện có 180 xã, phường, thị trấn.

- Biên chế công chức được giao: 4.379, hiện có mặt 3.702 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao: 2.921, hiện có mặt 2.451 người.

**6.2. Tỉnh Phú Yên**

**6.2.1. Đảng bộ tỉnh**

- Hiện có 14 đảng bộ trực thuộc (gồm 06 đảng bộ huyện, 02 thị xã, 01 thành phố và 05 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy[[8]](#footnote-8)); trong đó có 540 tổ chức cơ sở đảng (233 đảng bộ cơ sở, 307 chi bộ cơ sở), 1.934 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận, với 47.670 đảng viên.

- Về cơ cấu, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2020-2025:

+ Số lượng Ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 49 đồng chí, hiện nay có 39 đồng chí.

+ Số lượng Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 15 đồng chí, hiện nay có 13 đồng chí.

+ Số lượng Phó Bí thư Tỉnh ủy đầu nhiệm kỳ 2020-2025 là 02 đồng chí, hiện nay có 01 đồng chí.

+ Bí thư Tỉnh ủy: 01 đồng chí.

- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy:

+ Có 05 cơ quan tham mưu giúp việc: Văn phòng, Ban Tổ chức, Cơ quan Ủy ban kiểm tra, Ban Tuyên giáo và Dân vận, Ban Nội chính.

+ Có 02 Đảng ủy thuộc Tỉnh ủy gồm: Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng ủy UBND tỉnh:

+ Biên chế công chức được giao: 186, hiện có mặt 160.

- Đơn vị sự nghiệp của Tỉnh ủy:

+ Có 02 đơn vị gồm: Trường Chính trị, Tòa soạn Báo Phú Yên.

+ Biên chế viên chức được giao: 85, hiện có mặt 77.

**6.2.2. Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh**

- Hiện có 06 tổ chức gồm: UBMTTQVN tỉnh, tỉnh đoàn, hội nông dân tỉnh, hội cựu chiến binh tỉnh, liên đoàn lao động tỉnh, hội liên hiệp phụ nữ tỉnh.

- Biên chế công chức được giao: 111, hiện có mặt 99.

- Biên chế viên chức được giao: 13, hiện có mặt 11.

**6.2.3. Khối Chính quyền tỉnh**

**6.2.3.1. Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh**

- Số lượng Đại biểu Quốc hội khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026: 06 đồng chí (Trung ương: 03 đồng chí, địa phương: 03 đồng chí).

- Phó Trưởng đoàn chuyên trách phụ trách Đoàn: 01 đồng chí.

- Trưởng đoàn: Hiện đang khuyết.

**6.2.3.2. HĐND tỉnh (nhiệm kỳ 2021 - 2026)**

- Đầu nhiệm kỳ 50 đại biểu, hiện nay có 46 đại biểu, trong đó có 09 đại biểu hoạt động chuyên trách.

- Lãnh đạo HĐND tỉnh: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 02 Phó Chủ tịch HĐND (chuyên trách).

- Thường trực HĐND tỉnh: Gồm 07 đại biểu: Chủ tịch HĐND, 02 Phó Chủ tịch HĐND, 04 Trưởng Ban.

- Có 04 Ban: Kinh tế - Ngân sách, Văn hóa - Xã hội, Pháp chế, Dân tộc.

+ Ban Kinh tế - Ngân sách: Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 05 Ủy viên (kiêm nhiệm).

+ Ban Văn hóa - Xã hội: Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 05 Ủy viên (kiêm nhiệm).

+ Ban Pháp chế**:** Trưởng ban (chuyên trách), 04 Ủy viên (kiêm nhiệm), khuyết Phó Trưởng ban .

+ Ban Dân tộc: Trưởng ban và 01 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 04 Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh:

+ Lãnh đạo Văn phòng: Chánh Văn phòng, 03 Phó Chánh Văn phòng,

+ 03 phòng chuyên môn: 02 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 09 chuyên viên; cụ thể: Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị (Trưởng phòng và 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Công tác HĐND (01 Phó Trưởng phòng), Phòng Thông tin, Dân nguyện (Trưởng phòng, 01 Phó Trưởng phòng), Phòng Công tác Quốc hội (Trưởng phòng).

+ 08 lao động hợp đồng.

**6.2.3.3. UBND tỉnh**

- Hiện nay, Lãnh đạo UBND tỉnh Phú Yên nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có: Chủ tịch và 03 Phó Chủ tịch.

- Có 13 sở và cơ quan tương đương sở gồm: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thanh tra tỉnh; Sở Tư pháp, Sở Nội vụ; Sở Xây dựng; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Công Thương; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan hành chính khác trực thuộc UBND tỉnh: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên.

- Đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh: Có 06 đơn vị gồm: Trường Đại học Phú Yên, Trường Cao đẳng Nghề, Trường Cao đẳng Y tế, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh.

- Biên chế công chức được giao: 1.004 người, hiện có mặt 940 người.

- Biên chế viên chức được giao: 5.935 người, hiện có mặt 6.676 người (bao gồm 1.340 viên chức thuộc đơn vị sự nghiệp nhóm 1, 2 không thực hiện giao biên chế).

**6.2.4. Khối chính quyền cấp huyện (gồm HĐND và UBND)**

- Hiện có 09 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm: Thành phố Tuy Hoà, thị xã Sông Cầu, thị xã Đông Hoà, các huyện: Tây Hoà, Phú Hoà, Tuy An, Sông Hinh, Sơn Hoà, Đồng Xuân.

- Biên chế công chức được giao: 816, hiện có mặt 726 người.

- Biên chế viên chức được giao: 10.254, hiện có mặt 9.804 người.

**6.2.5. Khối ĐVHC cấp xã (gồm HĐND và UBND)**

- Hiện có 106 xã, phường, thị trấn.

- Biên chế công chức được giao: 2.327, hiện có mặt 2.100 người.

- Số lượng người hoạt động không chuyên trách được giao: 1.575, hiện có mặt 1.336 người.

**Phần III**

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**I. PHƯƠNG ÁN VÀ KẾT QUẢ SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**1. Phương án**

1.1. Thành lập tỉnh Đắk Lắk trực thuộc trung ương trên cơ sở sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên[[9]](#footnote-9).

1.2. Cơ sở và lý do đề xuất phương án, lựa chọn tên gọi và trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 Hội nghị lần thứ XI Ban Chấp hành Trung ương khoá XIII; Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp.

**2. Kết quả**

- ĐVHC cấp tỉnh Đắk Lắk, có: 1.809,640 km2 (đạt 226,20% so với tiêu chuẩn), Quy mô dân số 3.346.853 người (đạt 371,87% so với tiêu chuẩn), 101 ĐVHC trực thuộc (gồm: tỉnh Đắk Lắk cũ 67, tỉnh Phú Yên 34).

- Nơi Trung tâm hành chính - chính trị của ĐVHC tỉnh Đắk Lắk: Đặt tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay.

**II. GIẢI TRÌNH TRƯỜNG HỢP ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN, QUY MÔ DÂN SỐ THEO QUY ĐỊNH (nếu có)**

**Phần IV**

**ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh là phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển chung của cả nước, nhằm góp phần tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương, tinh giản biên chế, giảm chi ngân sách Nhà nước, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức để phục vụ người dân tốt hơn.

Tuy nhiên việc thành lập ĐVHC tỉnh Đắk Lắk mới sẽ có một số khó khăn nhất định. Vì vậy, khi sắp xếp sẽ được thực hiện theo lộ trình để có thể giảm thiểu những ảnh hưởng, tác động đến cuộc sống của người dân, cũng như cán bộ công chức khi sắp xếp.

**1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước**

**1.1. Tác động tích cực**

Sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh là thực hiện chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, phù hợp với yêu cầu thực tiễn, gắn liền với thực hiện đổi mới sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tinh giảm biên chế, cải cách chế độ tiền lương, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng, hiệu quả của đội ngũ cán bộ, công chức, phát huy hiệu quả nguồn nhân lực của nhà nước cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân, giữ vững quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Công việc tại ĐVHC cấp tỉnh sau sắp xếp sẽ nhiều và yêu cầu cao hơn trước, đáp ứng được yêu cầu công việc, phục vụ người dân tốt hơn đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của ĐVHC cấp tỉnh mới phải đảm bảo đủ trình độ, năng lực, phẩm chất. Việc tổ chức sắp xếp cán bộ phải thực sự công tâm, khách quan lựa chọn, bố trí những cán bộ có năng lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Thực hiện sắp xếp đối với ĐVHC cấp tỉnh là cần thiết và khách quan; phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với tình hình thực tế của nước ta.

Việc sắp xếp thành ĐVHC cấp tỉnh mới nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý nhà nước của chính quyền và hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, đồng thời phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh gắn với việc giảm số lượng, tăng quy mô đơn vị hành chính cấp tỉnh, giải quyết các vấn đề còn bất cập; phù hợp sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng cán bộ, công chức, viên chức theo chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước, đồng thời đáp ứng được xu thế phát triển của địa phương. Giảm chi thường xuyên và góp phần cải cách chính sách tiền lương.

**1.2. Tác động tiêu cực**

Quá trình sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh mới, tên đơn vị hành chính thay đổi; người dân và doanh nghiệp phải thực hiện rất nhiều thủ tục thay đổi trên sổ sách, giấy tờ hành chính như giấy tờ sở hữu nhà, đất, hộ khẩu, giấy tờ tùy thân, giấy phép lái xe...

Việc quản lý địa giới hành chính ĐVHC cấp tỉnh về diện tích và quy mô dân số lớn hơn so với trước đây, trước mắt sẽ có nhiều vấn đề bất cập, phức tạp hơn trong quản lý đơn vị hành chính mới có phần ảnh hưởng đến tư tưởng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là tâm lý của cán bộ, công chức thuộc diện dôi dư do sắp xếp. Một số lượng lớn cán bộ, công chức sẽ phải luân chuyển công tác hoặc giảm biên chế. Quá trình kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế sẽ có những xáo trộn nhất định; những cán bộ, công chức được lựa chọn, điều động đến đơn vị hành chính mới bước đầu gặp khó khăn về việc đi lại, nơi ở.

**2. Tác động về kinh tế - xã hội**

**2.1. Tác động tích cực**

Việc sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh thành ĐVHC cấp tỉnh mới có quy mô lớn là phù hợp với chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, đồng thời sẽ tập trung được nguồn lực cho phát triển của địa phương, không bị dàn trải, do đó hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của ĐVHC mới sẽ được quan tâm đầu tư đồng bộ hơn, nhất là hệ thống các công trình hạ tầng, giao thông, y tế, giáo dục, các thiết chế văn hóa, v.v, bên cạnh đó một số cơ sở vật chất của đơn vị cũ hiện có cũng sẽ được tính toán lại, chuyển đổi công năng sử dụng hiệu quả bảo đảm tạo cơ hội phát triển tốt cho đơn vị mới.

Việc thành lập ĐVHC tỉnh sẽ có quy mô lớn, không gian lớn trải dài từ rừng đến biển có nhiều tiềm năng và dư địa phát triển sẽ tạo điều kiện tập trung các nguồn lực về đất đai, dân số, mở rộng không gian quy hoạch, tập trung mở rộng sản xuất theo hướng hiện đại, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh để phát triển, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân địa phương.

Xây dựng cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi được tập trung hơn, tránh dàn trải; thu gọn được đầu mối các cơ quan, đơn vị.

Hệ thống giáo dục, y tế được sắp xếp, kiện toàn, nâng cao chất lượng sẽ góp phần phục vụ nhân dân được tốt hơn; công tác đảm bảo an sinh xã hội được chú trọng, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy huy động nguồn lực đóng góp của nhân dân, các nguồn lực xã hội hóa để xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển hệ thống y tế, giáo dục.

**2.2. Tác động tiêu cực**

Sau khi sắp xếp hệ thống tổ chức bộ máy, các cơ quan quản lý nhà nước, giáo dục, y tế trước mắt sẽ có các cơ sở chính và phụ nên ít nhiều ảnh hưởng đến tâm lý của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

Quảng đường từ đơn vị hành chính cơ sở ở khu vực biển (xã tiếp giáp với tỉnh Bình Định) về trung tâm hành chính của tỉnh mới rất xa cũng ảnh hướng đến việc đi lại liên hệ công tác của cán bộ, công chức ở cơ sở về trung tâm hành chính của tỉnh.

# **3. Tác động về quốc phòng, an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội**

**3.1. Tác động tích cực**

Theo quan điểm chỉ đạo của Trung ương và Bộ Chính trị, việc sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh sẽ nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý nhà nước nói chung, trong đó có công tác quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội. Bên cạnh đó, việc sắp xếp là một yếu tố thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cũng như ý thức cảnh giác của quần chúng nhân dân, góp phần củng cố nền quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân vững chắc, hạn chế các nguyên nhân và điều kiện phát sinh tội phạm.

Tăng cường khả năng bảo đảm kinh tế tại chỗ cho các lực lượng trong khu vực phòng thủ và nâng cao hiệu quả công tác giữ vững an ninh - quốc phòng của địa phương.

Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và giữ vững quốc phòng - an ninh trong giai đoạn mới.

Với việc sắp xếp các ĐVHC cấp tỉnh sẽ góp phần nâng hiệu quả công tác quản lý Nhà nước nói chung, đặc biệt là công tác quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh biên giới. Công tác phối hợp giữa lực lượng biên phòng và nhân dân trong quản lý sản xuất, nâng cao đời sống và bảo vệ vùng biên giới. Đặc biệt là các xã biên giới vùng sâu, vùng xa tiếp tục thực hiện chính sách xã biên giới nhằm tăng cường cho công tác quản lý lãnh thổ, ổn định dân cư, góp phần củng cố trật tự xã hội và quốc phòng - an ninh trên địa bàn xã biên giới.

- Phú Yên và Đắk Lắk là hai địa bàn chiến lược, quan trọng, việc sắp xếp tạo nên một không gian chiến lược rộng lớn, trải dài từ Tây Nguyên đến duyên hải Nam Trung Bộ, giúp mở rộng chiều sâu khu vực phòng thủ tỉnh và tạo điều kiện cho xây dựng khu vực phòng thủ, tạo lập thế trận phòng thủ liên hoàn vững chắc, có sự kết hợp giữa khu vực rừng núi, trung du, đồng bằng và ven biển; khi có tình huống tác chiến xảy ra tạo điều kiện cho các lực lượng vũ trang địa phương tạo thế đánh, thế kìm giữ, tiêu hao, ngăn chặn địch tạo thế và thời cơ cho lực lượng chủ lực của tỉnh, quân khu hiệp đồng chắt chẽ với LLVT địa phương tiến công tiêu diệt địch, buộc địch sa lầy vào thế trận chiến tranh nhân dân, làm thất bại ý định tiến công xâm lược của địch.

- Sự kết hợp giữa địa hình của Đắk Lắk và Phú Yên tạo nên không gian chiến lược đa dạng, thuận lợi cho bố trí thế trận trong khu vực tác chiến phòng thủ, nâng cao khả năng kết hợp phòng thủ bờ biển, phòng thủ biên giới đồng thời phòng thủ có chiều sâu trong địa hình rừng núi; thuận lợi triển khai các khu căn cứ phòng thủ trên nhiều hướng, nhiều tầng, tăng cường khả năng cơ động, ẩn nấp và đánh trả khi cần thiết; đồng thời địa hình tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên có giá trị chiến thuật cao và điều kiện kinh tế phát triển, hiện nay là điều kiện thích hợp để huy động xây dựng các tiềm lực kinh tế, căn cứ hậu phương hỗ trợ cho hoạt động tác chiến của các lực lượng trong khu vực phòng thủ khi địch tiến công đường biển và từ biên giới phía Tây.

- Hệ thống giao thông rất đa dạng và liên hoàn, có các tuyến giao thông chiến lược như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 29 (Phú Yên - Đắk Lắk), Quốc lộ 25 (Phú Yên – Gia Lai), Cao tốc Bắc-Nam, đường sắt Bắc-Nam và một số tuyến đường liên huyện, liên xã từ tuyến biển đến Tây Nguyên kết nối các khu vực miền núi, ven biển và các địa bàn giáp ranh thuận lợi cho cơ động lực lượng, tiếp tế hậu cần-kỹ thuật khi có tình huống chiến tranh xảy ra

- Phú Yên có cảng Vũng Rô, sân bay Tuy Hòa, Đắk Lắk có sân bay Buôn Ma Thuột có thể được sử dụng để cơ động lực lượng và tiếp tế, tiếp nhận hậu cần-kỹ thuật nhanh khi có tác chiến xảy ra.

**-** Phú Yên và Đắk Lắk là hai tỉnh có truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước thuận lợi cho việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tăng cường thế trận lòng dân, góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc.

- Việc sắp xếp là điều kiện xây dựng LLVT địa phương tinh, gọn, mạnh, góp phần xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Việc sắp xếp là điều kiện để triển khai kế hoạch, phương án bảo đảm ANTT được chỉ đạo thống nhất từ cấp tỉnh đến cơ sở, tránh được tình trạng “địa phương hóa”; tổ chức lại lực lượng phù hợp với đặc điểm địa bàn mới, điều chỉnh theo hướng chuyên sâu cho các khu vực đặc thù (như tuyến ven biển, vùng dân tộc, vùng cao, tuyến biến giới) làm tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về ANTT, phòng, chống tội phạm; góp phần tinh gọn bộ máy, giảm chồng chéo trong quản lý địa bàn giáp ranh; từ đó dễ kiểm soát tình hình, phòng ngừa đối tượng xấu và các loại tội phạm lợi dụng địa bàn giáp ranh các tỉnh để hoạt động, lẩn trốn. Ngoài ra, việc sắp xếp tỉnh cũng giúp tận dụng được nguồn nhân lực, cơ sở vật chất hiện có và tập trung nguồn lực đầu tư trang thiết bị, phương tiện, công nghệ hiện đại hơn để nâng cao năng lực tác chiến, phản ứng nhanh với các tình huống phức tạp nảy sinh, phục vụ tốt hơn công tác bảo đảm ANTT.

**3.2. Tác động tiêu cực**

- Hạ tầng giao thông giữa hai tỉnh còn nhiều hạn chế, một số tuyến đường đèo dốc, dễ bị chia cắt trong mùa mưa bão hoặc bị phá hoại khi có chiến tranh. Việc điều chuyển lực lượng từ vùng núi (Đắk Lắk) xuống đồng bằng và ven biển (Phú Yên) phải mất nhiều thời gian.

- Địa bàn quản lý rộng, đa dạng về địa hình và dân cư khiến công tác chỉ huy, điều hành có thể gặp khó khăn trong giai đoạn đầu sắp xếp, nhất là công tác phối hợp nắm, quản lý tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng lực lượng, tổ chức huấn luyện, thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự và và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc.

- Sau khi sắp xếp tỉnh dự báo sẽ xuất hiện nhiều loại đối tượng hoạt động với phương thức, thủ đoạn mới, lợi dụng sự đa dạng, phức tạp về địa lý, văn hóa, xã hội, dân tộc… để hoạt động phạm tội. Các đối tượng sẽ lợi dụng các khó khăn, sơ hở phát sinh trong công tác quản lý địa bàn để hoạt động liên tuyến, liên xã; số đối tượng phạm tội, vi phạm pháp luật của 02 tỉnh trước đây sẽ có sự giao thoa, gặp gỡ, trao đổi phương thức, thủ đoạn hoạt động, đối phó với cơ quan chức năng diễn ra phổ biến hơn... qua đó gây khó khăn nhất định cho công tác phòng ngừa, đấu tranh của cơ quan chức năng.

**4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công**

**4.1. Tác động tích cực**

Sắp xếp, thành lập ĐVHC cấp tỉnh mới với quy mô diện tích và dân số lớn hơn, nhưng tổ chức bộ máy tinh gọn, bớt chồng chéo, đội ngũ cán bộ công chức qua tinh lọc sẽ được đào tạo nâng cao chất lượng phục vụ đồng nghĩa với việc người dân và doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi hơn trong các thủ tục hành chính.

Việc hình thành ĐVHC cấp tỉnh mới có quy mô lớn hơn sẽ tạo điều kiện sắp xếp, bố trí đúng người, đúng trình độ chuyên môn đào tạo; được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giao tiếp; được quán triệt về đạo đức công vụ; chống quan liêu, tham nhũng; nâng cao tinh thần chính quyền phục vụ, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Mặt khác, phường, xã mới cũng sẽ được tạo điều kiện tăng cường các công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức đầu mối về cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ công trực tuyến cho người dân, tổ chức, tăng cường kết nối các dịch vụ công trực tuyến mức độ cao với cơ chế một cửa.

**4.2. Tác động tiêu cực**

Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh về trước mắt sẽ có ảnh hưởng tới lợi ích của người dân trong vấn đề giải quyết thủ tục hành chính do thay đổi tên ĐVHC cấp tỉnh và trụ sở làm việc, ảnh hưởng đến việc làm của một số cán bộ, công chức, viên chức; bộ máy hành chính có thể bước đầu vẫn còn cồng kềnh do lộ trình tinh giản sẽ ổn định sau 05 năm kể từ ngày nhập. Tuy nhiên, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo sâu sát từ Trung ương tới địa phương sẽ thực hiện tốt việc hỗ trợ cho người dân và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình sắp xếp.

**II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**1. Phương án và lộ trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp ĐVHC**

**1.1. Đảng bộ tỉnh**([[10]](#footnote-10))

Về cơ cấu, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy sẽ do Trung ương quyết định.

**1.1.1. Hợp nhất Đảng bộ UBND tỉnh Đắk Lắk và Đảng bộ UBND tỉnh Phú Yên thành Đảng bộ UBND tỉnh Đắk Lắk**

**1.1.2. Hợp nhất Đảng bộ các cơ quan đảng tỉnh Đắk Lắk và Đảng bộ các cơ quan đảng tỉnh Phú Yên thành Đảng bộ các cơ quan đảng tỉnh Đắk Lắk.**

**1.1.3. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy**

Hợp nhất nguyên trạng các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thuộc Tỉnh ủy Phú Yên vào các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy Đắk Lắk, cụ thể:

**1.1.3.1. Hợp nhất Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Lắk và Ban Tổ chức Tỉnh ủy Phú Yên**

a) Tên gọi: Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Lắk

b) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: 61 người; biên chế công chức có mặt: 56 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.3.2. Hợp nhất Ban Nội chính Tỉnh ủy Đắk Lắk và Ban Nội chính Tỉnh ủy Phú Yên**

a) Tên gọi: Ban Nội chính Tỉnh ủy Đắk Lắk

b) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: 38 người; biên chế công chức có mặt: 35 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.3.3. Hợp nhất Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk và Văn phòng Tỉnh ủy Phú Yên**

a) Tên gọi: Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk

b) Chức năng, nhiệm vụ:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: 109 người; biên chế công chức có mặt: 96 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: 01 người, Số lượng người làm việc có mặt: 01.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.3.4. Hợp nhất Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đắk Lắk và Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Phú Yên**

a) Tên gọi: Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đắk Lắk

b) Chức năng, nhiệm vụ:

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: 77 người; biên chế công chức có mặt: 75 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.3.5. Hợp nhất cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Lắk và cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Phú Yên**

a) Tên gọi: Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Lắk

b) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: 55 người; biên chế công chức có mặt: 52 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.4. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy**

**1.1.4.1. Hợp nhất Trường Chính trị Đắk Lắk và Trường Chính trị Phú Yên:**

a) Tên gọi: Trường Chính trị Đắk Lắk.

b) Chức năng, nhiệm vụ: Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

c) Số lượng người làm việc:

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao: 85 người. Số đã sử dụng: 80 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.1.4.2. Báo Đắk Lắk**

Giữ nguyên trạng Báo Đắk Lắk như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.1.4.3. Báo Phú Yên**

Giữ nguyên trạng Báo Phú Yên như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

Sau khi thực hiện xong việc sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên thành tỉnh Đắk Lắk (mới), Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ tiếp tục thực hiện việc rà soát và sắp xếp tinh gọn theo chủ trương, quy định của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương.

**1.2. Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh**([[11]](#footnote-11))

Khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Lắk và Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên phê duyệt Đề án sắp xếp, tinh gọn cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trên địa bàn tỉnh của 2 tỉnh, giao Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk và Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Phú Yên xây dựng phương án tổ chức như sau:

**1.2.1 Tên gọi**: Sáp nhập cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Đắk Lắk với cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Phú Yên thành cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, đoàn thể tỉnh Đắk Lắk.

**1.2.2.** **Tôn chỉ mục đích, nguyên tắc hoạt độngvà chức năng, nhiệm vụ của MTTQ Việt Nam**

Thực hiện theo quy định.

**1.2.3. Tổ chức bộ máy của MTTQ Việt Nam tỉnh Đắk Lắk**

Hợp nhất, sáp nhập các Ban, Văn phòng của 02 địa phương theo chức năng, nhiệm vụ giống nhau.

**1.2.3.1. Cơ quan lãnh đạo**

Trước mắt: cơ cấu Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh gồm các đồng chí Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam tỉnh hiện nay của 02 tỉnh

Sau Đại hội lần thứ nhất của MTTQ tỉnh, bố trí Ban Thường trực có 10 người, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thường trực, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh tỉnh; 01 Phó Chủ tịch đồng thời là Bí thư Tỉnh đoàn; 01 Phó Chủ tịch phụ trách Văn phòng, Ban Tổ chức – Kiểm tra; 01 Phó Chủ tịch phụ trách Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội; 01 Phó Chủ tịch phụ trách Ban Vận động Xã hội.

Sau 05 năm, số lượng Phó Chủ tịch thực hiện theo quy định.

Về Chủ tịch, các Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh tỉnh; Bí thư Tỉnh đoàn do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

**1.2.3.2. Cơ quan tham mưu giúp việc:**

Sắp xếp cơ quan tham mưu giúp việc thành 9 Ban, đơn vị, cơ bản theo tổ chức của MTTQ Việt Nam 02 tỉnh. Cụ thể như sau: (1) Văn phòng, (2) Ban Tổ chức, Kiểm tra (3)Ban Dân chủ, Giám sát và Phản biện xã hội, (4) Ban Công tác xã hội**,** (5) Ban Công tác Nông dân, (6) Ban Công tác Công đoàn, (7) Ban Công tác Phụ nữ, (8) Ban Công tác Đoàn - Thanh thiếu nhi và (9) Ban công tác Cựu chiến binh.

**1.2.4.** **Lộ trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy cơ quan, tổ chức sau sắp xếp**

Sau khi được cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt Đề án, và hướng dẫn của cơ quan chức năng, Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh phối hợp ngành chức năng để sắp xếp, kiện toàn bộ máy theo đúng quy định.

**1.2.5. Về tổ chức Đảng, đoàn thể**

- Hợp nhất 02 Đảng bộ của 02 tỉnh thành Đảng bộ MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Đắk Lắk.

- Hợp nhất 02 tổ chức Công đoàn (nếu còn) thành Công đoàn cơ sở cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội, các Hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ tỉnh Đắk Lắk.

- Hợp nhất các tổ chức Đoàn Thanh niên, Chi Hội Luật gia (nếu có).

**1.2.6. Về các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ**

Sáp nhập các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hiện nay của tỉnh Phú Yên vào các Hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ của tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tương đồng về chức năng, nhiệm vụ. Trường hợp khác sẽ báo cáo xin chủ trương của ngành chức năng để thực hiện.

**1.3. Đối với Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh**([[12]](#footnote-12))

**1.3.1. Hợp nhất Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắk Lắk và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Phú Yên**

Sau khi sắp xếp hai tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên, sẽ thành lập các cơ quan thuộc HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh:

*\* Đoàn ĐBQH tỉnh:* Gồm có 01 Phó Trưởng Đoàn phụ trách Đoàn ĐBQH, 01 Phó Trưởng đoàn chuyên trách và các đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm.

**1.3.2. Hợp nhất HĐND tỉnh Đắk Lắk và HĐND tỉnh Phú Yên**

- Tổng số đại biểu HĐND tỉnh: giữ nguyên tổng số đại biểu HĐND tỉnh của 02 tỉnh trước khi sắp xếp (120 đại biểu).

+ Lãnh đạo HĐND tỉnh: Có Chủ tịch HĐND tỉnh và các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh.

+ Thường trực HĐND: Gồm Chủ tịch HĐND tỉnh, các Phó Chủ tịch (hoạt động chuyên trách) và các Ủy viên Thường trực (là Trưởng các Ban).

+ Các Ban của HĐND (04 Ban):

- Ban Kinh tế - Ngân sách: Có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban (chuyên trách) và các Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Pháp chế: Có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban (chuyên trách) và các Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Văn hóa - Xã hội: Có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban (chuyên trách) và các Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Dân tộc: Có Trưởng ban, các Phó Trưởng ban (chuyên trách) và các Ủy viên (kiêm nhiệm).

*\* Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh:*

- Lãnh đạo: Có Chánh Văn phòng và các Phó Chánh Văn phòng.

- Có các phòng chuyên môn.

- Biên chế công chức giao năm 2025: (41 + 29) = 70 biên chế; biên chế công chức có mặt: (41 + 27) = 68 biên chế.

**1.4. UBND tỉnh**

UBND tỉnh do HĐND tỉnh bầu, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên UBND tỉnh; trước mắt, giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch UBND tỉnh của 02 tỉnh trước khi hợp nhất.

**1.4.1 Đối với các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh**

Hợp nhất nguyên trạng các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh Phú Yên vào các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk, cụ thể:

**1.4.1.1 Hợp nhất Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk và Sở Nội vụ tỉnh Phú Yên:**

a) Tên gọi: Sở Nội vụ tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (79+89)= 168; biên chế công chức có mặt: (74+75)=149 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (18+60)= 78; số lượng người làm việc có mặt: (18+58)=76.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.2. Hợp nhất Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk và Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên:**

a) Tên gọi: Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (22+41)= 63; biên chế công chức có mặt: (21+38)=59 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (19+32)= 51; số lượng người làm việc có mặt: (15+29)= 44.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (0+13)= 13 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.3. Hợp nhất Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk và Sở Tài chính tỉnh Phú Yên:**

a) Tên gọi: Sở Tài chính tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (95+120)= 215; biên chế công chức có mặt: (93+108)= 201 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (0+15)= 15; số lượng người làm việc có mặt: (0+14)=14.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.4. Hợp nhất Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk và Sở Công Thương tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Công Thương tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (91+110)= 201; biên chế công chức có mặt: (90+101)= 191 người. (đã bao gồm Chi cục quản lý thị trường).

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (0+31)= 31; số lượng người làm việc có mặt: (0+28)=28.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.5. Hợp nhất Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk và Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (275+453)= 728; biên chế công chức có mặt: (271+435)= 706 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (240+532)= 772; số lượng người làm việc có mặt: (215+519)=734 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (57+89)= 146 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.6. Hợp nhất Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk và Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (76+119)= 195; biên chế công chức có mặt: (75+119)= 194 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (0+5)= 5; số lượng người làm việc có mặt: (0+5)=5 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (54+9)= 63 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.7. Hợp nhất Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk và Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (50+59)= 109; biên chế công chức có mặt: (47+53)= 100 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (33+36)= 69; số lượng người làm việc có mặt: (29+18)= 47 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (0+6)= 6 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.8. Hợp nhất Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (46+62)= 108; biên chế công chức có mặt: (45+62)= 107 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (121+279)= 400; số lượng người làm việc có mặt: (120+270)= 390 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (0+6)= 6 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.9. Hợp nhất Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk và Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (45+59)= 104; biên chế công chức có mặt: (40+58)= 98 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (2070+3879)= 5.949; số lượng người làm việc có mặt: (2018+3814)= 5.832 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (17+0)= 17 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.10. Hợp nhất Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk và Sở Y tế tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Y tế tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (46+83)= 129; biên chế công chức có mặt: (44+72)= 116 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (576+4.229)= 4.805; số lượng người làm việc có mặt: (496+3.735)= 4.231 người.

- Số lượng viên chức hưởng lương từ nguồn thu có mặt: (1076+395)= 1.471 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.11. Hợp nhất Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk và Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Sở Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (27+35)= 62; biên chế công chức có mặt: (27+31)= 58 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.12. Hợp nhất Thanh tra tỉnh Đắk Lắk và Thanh tra tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Thanh tra tỉnh tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (29+43)= 72; biên chế công chức có mặt: (28+43)= 71 người.

(Chưa tính biên chế và nhân sự từ thanh tra cấp huyện và thanh tra các sở ngành chuyển về sau khi kết thúc hoạt động của thành tra huyện và thanh tra Sở). Nội dung này thực hiện theo đề án của ngành thanh tra theo Kết luận số 134-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.13. Hợp nhất Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk và Văn phòng UBND tỉnh Phú Yên**

a) Tên gọi: Văn phòng UBND tỉnh tỉnh Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

- Biên chế công chức giao năm 2025: (62+93)= 155; biên chế công chức có mặt: (61+81)= 142 người.

- Số lượng người làm việc giao năm 2025: (7+18)= 25; số lượng người làm việc có mặt: (6+17)= 23 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.14. Giữ nguyên Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Đắk Lắk**

- Tên gọi: Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đắk Lắk.

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

- Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

+ Biên chế công chức giao: 18, biên chế công chức có mặt: 18.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách: 15, số lượng người làm việc có mặt: 15.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị: 06 người.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.1.15.** **Giữ nguyên Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên**

- Tên gọi: Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên

- Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

- Biên chế công chức và số lượng người làm việc:

+ Biên chế công chức giao: 28, biên chế công chức có mặt: 26.

+ Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách: 20, số lượng người làm việc có mặt: 20.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh**

Giữ nguyên một số đơn vị sự nghiệp công lập có tính chất đặc thù; hợp nhất nguyên trạng các đơn vị sự nghiệp công lập có tên gọi giống nhau, có chức năng, nhiệm vụ tương đồng và phù hợp với thực tế, cụ thể:

**1.4.2.1 Đối với Trường Đại học Phú Yên:**

Giữ nguyên trạng Trường Đại học Phú Yên như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.2. Hợp nhất Trường Cao đẳng Đắk Lắk và Trường Cao đẳng nghề Phú Yên**

a) Tên gọi: Trường Cao đẳng Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Số lượng người làm việc:

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao: (77+302)= 379. Số lượng người làm việc có mặt: (72+291)= 363 người.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị: (38+17)= 55. Số lượng người làm việc có mặt: (20+11)= 31 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.2.3 Hợp nhất Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk và Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên**

a) Tên gọi: Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk.

b) Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: Thực hiện theo quy định.

c) Số lượng người làm việc:

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách được giao: (45+66)= 101. Số lượng người làm việc có mặt: (28+57)= 85 người.

- Số lượng người làm việc hưởng lương từ nguồn thu của đơn vị: (0+12)= 12. Số lượng người làm việc có mặt: (9+12)= 21 người.

d) Cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự: Thực hiện theo quy định.

**1.4.2.4. Đối với Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk:**

Giữ nguyên trạng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.5. Đối với Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.**

Đổi tên thành Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đắk Lắk. Về cơ cấu tổ chức như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.6. Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên (Ban Quản lý dự án khu vực)**

Giữ nguyên Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên và đổi tên thành Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Lắk, là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1). Về cơ cấu tổ chức như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.7. Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk (Ban Quản lý dự án chuyên ngành):**

Giữ nguyên như hiện nay, là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1).Về cơ cấu tổ chức như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.8. Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk:**

Giữ nguyên như hiện nay, là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ về chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1). Về cơ cấu tổ chức như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.9 Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk:**

Giữ nguyên trạng Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắkgồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

Sau khi hợp nhất 02 Sở Nông nghiệp và Môi trường sẽ giải thể trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Phú Yên thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và chuyển chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy về Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk.

**1.4.2.10. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk**

Giữ nguyên trạng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

**1.4.2.11 Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên**

Giữ nguyên trạng Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên như hiện nay gồm: Tập thể lãnh đạo và các cơ cấu tổ chức hiện có.

Sau khi thực hiện xong việc sắp xếp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên thành tỉnh Đắk Lắk (mới), Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ tiếp tục thực hiện việc rà soát và sắp xếp tinh gọn theo chủ trương, quy định của Trung ương và phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

**Sau khi sắp xếp các cơ quan, tổ chức trực thuộc UBND tỉnh Đắk Lắk gồm có:**

- 13 cơ quan chuyên môn: (1) Sở Nội vụ, (2) Sở Tư pháp, (3) Sở Tài chính, (4) Sở Công Thương, (5) Sở Nông nghiệp và Môi trường, (6) Sở Xây dựng, (7) Sở Khoa học và Công nghệ, (8) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (9) Sở Giáo dục và Đào tạo, (10) Sở Y tế, (11) Sở Dân tộc và Tôn giáo, (12) Thanh tra tỉnh, (13) Văn phòng UBND tỉnh.

- 02 cơ quan hành chính tương đương sở: (1) Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, (2) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

- 11 đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Trường đại học Phú Yên, (2) Trường cao đẳng Đắk Lắk, (3) Trường cao đẳng Y tế Đắk Lắk, (4) Trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật Đắk Lắk (5) Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đắk Lắk, (6) Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Lắk, (7) Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk , (8) Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, (9) Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, (10) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk, (11) Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên.

- Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực giáo dục; lĩnh vực y tế: Thực hiện theo Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15/4/2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp ĐVHC các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp ĐVHC và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, CBCCVC khi thực hiện sắp xếp.

**Lộ trình sắp xếp:** Sau khi trình đề án hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; UBND tỉnh Đắk Lắk chủ trì phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các đề án sáp nhập, hợp nhất các sở ngành theo phương án nêu trên, đảm bảo theo lộ trình thời gian quy định.

**1.5. Đối với ĐVHC cấp xã**([[13]](#footnote-13))

Toàn tỉnh có 101 ĐVHC cấp xã, gồm: 87 xã và 14 phường (trong đó tỉnh Đắk Lắk cũ là 67 ĐVHC cấp xã, gồm: 60 xã và 07 phường; tỉnh Phú Yên là 34 ĐVHC cấp xã, gồm: 27 xã và 07 phường).Về cơ cấu tổ chức:

**1.5.1. Đảng bộ cấp xã**

- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy;

- Văn phòng; Ban Xây dựng Đảng; Cơ quan UBKT Đảng ủy;

- Cơ quan Mặt trận TQVN, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể xã; trong đó cơ cấu các chức danh: Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc, các Phó Chủ tịch kiêm Bí thư Đoàn thanh niên, Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội phụ Phụ nữ, Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội Cựu chiến binh và Phó Chủ tịch kiêm Chủ tịch Hội Nông dân và Văn phòng Mặt trận Tổ quốc.

**1.5.2. Tổ chức chính quyền địa phương cấp xã gồm có HĐND và UBND**

1. Về cơ cấu tổ chức:

- HĐND cấp xã có 02 Ban: Ban Pháp chế và Ban Kinh tế - Xã hội.

- UBND cấp xã tổ chức 04 Phòng chuyên môn và tương đương, gồm: (1) Văn phòng HĐND & UBND; (2) Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị; (3) Phòng Văn hoá - Xã hội; (4) Trung tâm phục vụ hành chính công.

- Thành lập các đơn vị sự nghiệp công lập để: (1) cung ứng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu cho người dân trên địa bàn; (2) cung ứng dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực xây dựng, phát triển quỹ đất, giải phóng mặt bằng... theo quy định, hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tế tại địa phương.

2. Về số lượng chức danh lãnh đạo

- Lãnh đạo HĐND cấp xã gồm Chủ tịch *(chức danh kiêm nhiệm)* và 01 Phó Chủ tịch *(chức danh chuyên trách);*

- Lãnh đạo UBND cấp xã gồm Chủ tịch (chức danh chuyên trách) và 02 Phó Chủ *tịch (01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Chánh Văn phòng HĐND và UBND; 01 Phó Chủ tịch kiêm nhiệm chức danh Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công)*;

- Các Ban của HĐND có Trưởng ban *(chức danh kiêm nhiệm)* và 01 Phó Trưởng ban *(chức danh chuyên trách).*

- Các phòng và tương đương của UBND có Trưởng phòng *(chức danh chuyên trách hoặc Phó Chủ tịch UBND kiêm nhiệm)* và 01 cấp phó *(chức danh chuyên trách)*.

**2. Phương án và lộ trình bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sau sắp xếp ĐVHC**

**2.1. Đối với Đảng bộ tỉnh**

**2.1. Đảng bộ tỉnh**([[14]](#footnote-14))

Về cơ cấu, số lượng Ủy viên Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Phó Bí thư, Bí thư Tỉnh ủy sẽ do Trung ương quyết định.

**2.1.1. Đảng ủy UBND tỉnh Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Đảng ủy là 40 người (Đắk Lắk: 19 người; Phú Yên: 21 người), số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người (Đảng ủy UBND tỉnh Phú Yên), số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sáp nhập là 39 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Đảng ủy là 01 người ( Đắk Lắk: 01 người; Phú Yên: 0 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 01 người.

**2.1.2. Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Đảng ủy là 20 người (Đắk Lắk: 12 người; Phú Yên: 8 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sáp nhập là 20 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Đảng ủy là 03 người (Đắk Lắk: 03 người; Phú Yên: 0 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 03 người.

**2.1.3. Đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy**

Hợp nhất nguyên trạng các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy thuộc Tỉnh ủy Phú Yên và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy Đắk Lắk, cụ thể:

**2.1.3.1 Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Ban là 56 người (Đắk Lắk: 31 người; Phú Yên: 25 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sáp nhập là 56 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Ban là 06 người ( Đắk Lắk: 03 người; Phú Yên: 03 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 06 người.

**2.1.3.2 Ban Nội chính Tỉnh ủy Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Ban là 35 người (Đắk Lắk: 20 người; Phú Yên: 15 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sáp nhập là 35 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Ban là 06 người ( Đắk Lắk: 03 người; Phú Yên: 03 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 06 người.

**2.1.3.3 Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Văn phòng là 71 người (Đắk Lắk: 39 người; Phú Yên: 32 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sắp xếp là 71 người.

- Về viên chức: giữ nguyên số viên chức của Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk là 01 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Văn phòng là 25 người ( Đắk Lắk: 14 người; Phú Yên: 11 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 25 người.

**2.1.3.4 Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Ban là 75 người (Đắk Lắk: 38 người; Phú Yên: 37 người); số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 04 người (Phú Yên: 04 người), số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sắp xếp là 71 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Ban là 06 người ( Đắk Lắk: 04 người; Phú Yên: 02 người); số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người (Phú Yên: 01 người), số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 05 người.

**2.1.3.5 Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Lắk**

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 cơ quan là 52 người (Đắk Lắk: 31 người; Phú Yên: 21 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau sáp nhập là 52 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 cơ quan là 07 người (Đắk Lắk: 04 người; Phú Yên: 03 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 07 người.

**2.1.4 Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy**

**2.1.4.1. Trường Chính trị Đắk Lắk**

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 trường là 80 người (Đắk Lắk: 46 người; Phú Yên: 34 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau sáp nhập là 80 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 trường là 09 người (Đắk Lắk: 04 người; Phú Yên: 02 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 9 người.

**2.1.4.2. Báo Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Báo Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sáp nhập là 42 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 21 người.

**2.1.4.3. Báo Phú Yên**

Giữ nguyên thực trạng của Báo Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sáp nhập là 44 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sáp nhập là 02 người.

**Sau khi sắp xếp các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy gồm có:**

- 05 cơ quan chuyên môn: (1) Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Lắk, (2) Ban Nội chính Tỉnh ủy Đắk Lắk, (3) Văn phòng Tỉnh ủy Đắk Lắk, (4) Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Đắk Lắk, (5) Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Đắk Lắk.

- 03 đơn vị sự nghiệp công lập: (1) Trường Chính trị Đắk Lắk, (2) Báo Đắk Lắk, (3) Báo Phú Yên.

**Lộ trình sắp xếp:** Sau khi trình đề án hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; Tỉnh ủy Đắk Lắk chủ trì phối hợp với Tỉnh ủy Phú Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các đề án sáp nhập hợp nhất các cơ quan, đơn vị theo phương án nêu trên.

**2.2. Đối với Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị-xã hội tỉnh**

Sắp xếp chuyển toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh Phú Yên về nhập vào cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - Xã hội tỉnh Đắk Lắk.

- Về Chủ tịch, các Phó Chủ tịch đồng thời là Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh; Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh; Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Chủ tịch Hội Cựu Chiến binh tỉnh; Bí thư Tỉnh đoàn do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

- Trước mắt cơ cấu Phó Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh gồm các đồng chí Phó Chủ tịch MTTQ Việt Nam tỉnh hiện nay của 02 tỉnh.

- Đối với các đồng chí Phó Chủ tịch, Phó Bí thư các tổ chức Chính trị - Xã hội của 02 tỉnh hiện nay giữ nguyên đến khi có hướng dẫn cụ thể.

- Đối với các đồng chí Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng, phó các Ban, Văn phòng sẽ bố trí phù hợp khi có hướng dẫn.

- Sắp xếp cán bộ, côngchức, viên chức, người lao động theo chức năng, nhiệm vụ cụ thể tại Phú Yên vào các ban chuyên môn, văn phòng, bộ phận liên quan, nhiệm vụ tương đồng tại tỉnh Đắk Lắk.

**2.3. Đối với Đoàn đại biểu Quốc hội, HĐND tỉnh**

**2.3.1. Đoàn ĐBQH tỉnh**

Gồm có 01 Phó Trưởng Đoàn phụ trách Đoàn ĐBQH, 01 Phó Trưởng đoàn chuyên trách và 12 đại biểu Quốc hội hoạt động kiêm nhiệm.

**2.3.2. HĐND tỉnh**

+ Giữ nguyên tổng số đại biểu của hai tỉnh trước khi sắp xếp (120 đại biểu).

+ Lãnh đạo HĐND tỉnh gồm: 01 Chủ tịch (kiêm nhiệm), 04 Phó Chủ tịch chuyên trách.

+ Thường trực HĐND gồm: 01 Chủ tịch, 04 Phó Chủ tịch chuyên trách, 04 Ủy viên Thường trực (Trưởng các Ban).

+ Gồm 04 Ban của HĐND tỉnh:

- Ban Kinh tế - Ngân sách: Trưởng ban, 03 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 12 Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Pháp chế: Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban (chuyên trách), 09 Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Văn hóa - Xã hội: Trưởng ban, 03 Phó Trưởng ban, 11 Ủy viên (kiêm nhiệm).

- Ban Dân tộc: Trưởng ban, 02 Phó Trưởng ban, 04 Ủy viên (kiêm nhiệm).

**2.3.3.****Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh**

*+* Lãnh đạo: Chánh Văn phòng, 07 Phó Chánh Văn phòng.

+ Gồm 04 phòng chuyên môn:

- Phòng Hành chính, Tổ chức, Quản trị: 12 công chức (Trưởng phòng, 03 Phó Trưởng phòng, 08 chuyên viên) và 19 hợp đồng lao động (gồm 11 lái xe, 05 phục vụ, 01 kỹ thuật, 02 bảo vệ).

- Phòng Công tác HĐND: 14 công chức (Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 11 chuyên viên).

- Phòng Thông tin và Dân nguyện: 07 công chức (Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 04 chuyên viên).

- Phòng Công tác Quốc hội: 07 công chức (Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng, 04 chuyên viên).

***2.3.4. Lộ trình bố trí***

Giai đoạn 1 (Từ tháng 4/2025 đến ngày 30/6/2025): Tiến hành rà soát đầy đủ hồ sơ, lý lịch, vị trí việc làm, chuyên môn nghiệp vụ và thời gian công tác của toàn bộ cán bộ, công chức, người lao động thuộc Đoàn ĐBQH, HĐND và Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND hai tỉnh. Đồng thời tổ chức hội nghị lấy ý kiến, nguyện vọng cá nhân về việc bố trí công tác sau sắp xếp. Trên cơ sở đó, xây dựng, hoàn thiện và trình cấp có thẩm quyền phương án tổng thể về bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động.

Giai đoạn 2 (Từ ngày 01/7/2025 đến tháng 5/2026): Căn cứ phương án được phê duyệt, tiến hành tổ chức triển khai việc sắp xếp các cơ quan tương ứng, thành lập cơ quan, tổ chức mới theo mô hình hợp nhất. Đồng thời thực hiện bố trí cán bộ, công chức, người lao động theo vị trí việc làm phù hợp; ban hành quyết định điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và phân công cán bộ trong cơ cấu tổ chức mới, đảm bảo sự kế thừa, ổn định và hiệu quả.

Giai đoạn 3 (Từ tháng 6/2026 đến tháng 6/2029): HĐND tỉnh và Đoàn ĐBQH tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031 tiến hành bầu các chức theo quy định; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh tiến hành kiện toàn đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Văn phòng và các Trưởng, Phó Trưởng các phòng chuyên môn bảo đảm đúng cơ cấu, tiêu chuẩn chức danh và quy định hiện hành. Đồng thời, tiếp tục rà soát, đánh giá hiệu quả sắp xếp tổ chức và nhân sự để điều chỉnh những vị trí chưa phù hợp, bảo đảm bộ máy hoạt động ổn định, thông suốt và nâng cao hiệu quả trong giai đoạn sau sắp xếp.

**2.4. Đối với UBND tỉnh**

UBND tỉnh do HĐND tỉnh bầu, trước mắt giữ nguyên số lượng Phó Chủ tịch UBND tỉnh của 02 tỉnh trước khi hợp nhất.

**2.4.1. Đối với các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh**

Số lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp tỉnh sau sắp xếp tối đa không vượt quá tổng số cán bộ, công chức, viên chức (số có mặt) của cấp tỉnh trước sắp xếp và thực hiện tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản bố trí theo đúng quy định.

**\* Sở Nội vụ**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước sắp xếp, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 150 người (Đắk Lắk: 76 người; Phú Yên: 74 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 17 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 133 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 17 người ( Đắk Lắk: 10 người; Phú Yên: 7 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 4 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 13 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 81 người ( Đắk Lắk: 59 người; Phú Yên: 22 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 80 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 29 người ( Đắk Lắk: 12 người; Phú Yên: 17 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 29 người.

**\* Sở Tư pháp**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 59 người ( Đắk Lắk: 38 người; Phú Yên: 21 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 3 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 56 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 06 người ( Đắk Lắk: 03 người; Phú Yên: 03 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 03 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 58 người ( Đắk Lắk: 42 người; Phú Yên: 16 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 57 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 23 người ( Đắk Lắk: 17 người; Phú Yên: 06 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 20 người.

**\* Sở Tài chính**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 202 người ( Đắk Lắk: 109 người; Phú Yên: 93 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 22 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 180 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 19 người ( Đắk Lắk: 08 người; Phú Yên: 11 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 16 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 14 người (Đắk Lắk: 14 người; Phú Yên: 0 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 14 người.

**\* Sở Công Thương**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 191 người ( Đắk Lắk:101 người; Phú Yên: 90, Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 08 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 183 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 22 người (Đắk Lắk: 09 người; Phú Yên: 13 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 06 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 16 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 28 người (Đắk Lắk: 28 người; Phú Yên: 0 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 28 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 04 người ( Đắk Lắk: 04 người; Phú Yên: 0 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 04 người.

\* **Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 706 người ( Đắk Lắk: 435 người; Phú Yên: 271 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 96 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 610 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 118 người ( Đắk Lắk: 74 người; Phú Yên: 44 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 09 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 109 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 1022 người ( Đắk Lắk: 753 người; Phú Yên: 269 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 34 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 988 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 894 người ( Đắk Lắk: 605 người; Phú Yên: 289 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 6 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 888 người.

\* **Sở Xây dựng**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 194 người ( Đắk Lắk: 119 người; Phú Yên: 75 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 14 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 180 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 20 người ( Đắk Lắk: 12 người; Phú Yên: 08 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 19 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 61 người ( Đắk Lắk: 8 người; Phú Yên: 53 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 61 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 72 người ( Đắk Lắk: 23 người; Phú Yên: 39 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 72 người.

\* **Sở Khoa học và Công nghệ**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 98 người ( Đắk Lắk: 51 người; Phú Yên: 47 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 12 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 86 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 17 người ( Đắk Lắk: 09 người; Phú Yên: 08 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 06 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 11 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 53 người (Đắk Lắk: 24 người; Phú Yên: 29 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 02 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 51 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 33 người ( Đắk Lắk: 19 người; Phú Yên: 14 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 33 người.

**\* Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 107 người (Đắk Lắk: 62 người; Phú Yên: 45 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 09 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 98 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 11 người ( Đắk Lắk: 06 người; Phú Yên: 05 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 10 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 396 người ( Đắk Lắk: 276 người; Phú Yên: 120 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 25 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 371 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 80 người ( Đắk Lắk: 43 người; Phú Yên: 37 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 79 người.

**\* Sở Giáo dục và Đào tạo**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 97 người (Đắk Lắk: 57 người; Phú Yên: 40 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 13 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 84 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 09 người ( Đắk Lắk: 04 người; Phú Yên: 05 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 04 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 05 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 5893 người ( Đắk Lắk: 3859 người; Phú Yên: 2.034 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 5893 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 330 người ( Đắk Lắk: 135 người; Phú Yên: 195 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 330 người.

**\* Sở Y tế**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 116 người ( Đắk Lắk: 72 người; Phú Yên: 44 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 09 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 107 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 13 người ( Đắk Lắk: 10 người; Phú Yên: 03 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 13 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 Sở là 6418 người ( Đắk Lắk: 4846 người; Phú Yên: 1572 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 19 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 6399 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 1518 người (Đắk Lắk: 1311 người; Phú Yên: 207 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 1515 người.

**\* Sở Dân tộc và Tôn giáo**

Trên cơ sở thực trạng của 02 Sở trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 62 người ( Đắk Lắk: 35 người; Phú Yên: 27 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 59 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 10 người ( Đắk Lắk: 05 người; Phú Yên: 05 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 07 người.

**\* Thanh tra tỉnh**

Trên cơ sở thực trạng của 02 cơ quan trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 71 người ( Đắk Lắk: 43 người; Phú Yên: 28 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 06 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 65 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 05 người ( Đắk Lắk: 3 người; Phú Yên: 02 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 01 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 04 người.

\* **Văn phòng UBND tỉnh**

Trên cơ sở thực trạng của 02 cơ quan trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính

- Về công chức: Tổng số công chức của 02 Sở là 141 người ( Đắk Lắk: 80 người; Phú Yên: 61 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 05 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng công chức dự kiến sau hợp nhất là 136 người.

Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 37 người ( Đắk Lắk: 20 người; Phú Yên: 17 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 05 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 32 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 cơ quan là 18 người (Đắk Lắk: 12 người; Phú Yên: 06 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 18 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 Sở là 5 người ( Đắk Lắk: 05 người; Phú Yên: 00 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 0 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 5 người.

**\* Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính:

- Số lượng công chức dự kiến sau sắp xếp là 18 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 3 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 21 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 06 người.

**\* Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, cụ thể như sau:

a) Đối với cơ quan hành chính:

- Số lượng công chức dự kiến sau sắp xếp là 25 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 03 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng công chức dự kiến sau sắp xếp là 22 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 04 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 04 người.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 20 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 02 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0người. Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 18 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 36 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 36 người.

**2.4.2. Đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh**

**\* Trường Đại học Phú Yên:**

Giữ nguyên thực trạng của Trường Đại học Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 150 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 13 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 0 người. Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 137 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 08 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 08 người.

**\* Trường Cao đẳng Đắk Lắk**

Trên cơ sở thực trạng của Trường Cao đẳng nghề Phú Yên và Trường Cao đẳng Đắk Lắk trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 đơn vị là 363 người ( Đắk Lắk: 290 người; Phú Yên: 73 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 02 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 361 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 đơn vị là 75 người ( Đắk Lắk: 38 người; Phú Yên: 37 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 75 người.

**\* Trường Cao đẳng Y tế Đắk Lắk**

Trên cơ sở thực trạng của Trường Cao đẳng Y tế Phú Yên và Trường cao đẳng Y tế Đắk Lắk trước hợp nhất, phương án bố trí sắp xếp cán bộ, công chức, viên chức người lao động sau khi sắp xếp Đơn vị hành chính, cụ thể như sau:

- Về viên chức: Tổng số viên chức của 02 đơn vị là 95 người ( Đắk Lắk: 66 người; Phú Yên: 29 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng viên chức dự kiến sau hợp nhất là 95 người.

- Về người lao động: Tổng số người lao động của 02 đơn vị là 29 người ( Đắk Lắk: 17 người; Phú Yên: 12 người), Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 00 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau hợp nhất là 29 người.

\* **Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 88 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 7 người

**\* Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Đắk Lắk.**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 17 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 05 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 12 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 18 người. Số lượng đăng ký nghỉ chế độ là 02 người, số lượng dự kiến chuyển công tác về đơn vị khác là 00 người. Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 16 người.

**\* Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Đắk Lắk.**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 108 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 25 người.

\* **Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý các Dự án đầu tư xây dựng tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 66 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 09 người.

**\* Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 101 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 25 người

\* **Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 20 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 08 người.

\* **Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk**

Giữ nguyên thực trạng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 98 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 45 người.

\* **Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Phú Yên**

Giữ nguyên thực trạng của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Phú Yên, cụ thể như sau:

- Số lượng viên chức dự kiến sau sắp xếp là 58 người.

- Số lượng người lao động dự kiến sau sắp xếp là 04 người.

**2.4.3. Lộ trình thực hiện:**

Sau khi trình đề án hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; UBND tỉnh Đắk Lắk chủ trì phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các đề án sắp xếp, hợp nhất các sở ngành theo phương án nêu trên.

**2.5. Đối với cấp xã**

**2.5.1. Phương án bố trí:**

Quy mô ĐVHC cấp xã theo phương án sắp xếp tăng so với quy định hiện nay, do vậy, để đáp ứng việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của chính quyền cấp xã phù hợp với tổ chức mới, dự kiến chính quyền cấp xã được bố trí với số lượng biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền *(sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền sẽ xác định khung biến chế cứng làm cơ sở sắp xếp)*.

Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí, sắp xếp, điều động về cấp xã; trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cơ sở mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã

Trước mắt, giữ nguyên số lượng biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cấp huyện, cán bộ, công chức cấp xã hiện có trước sắp xếp và thực hiện việc rà soát, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm trong thời hạn 05 năm cơ bản đúng theo quy định của Chính phủ.

Đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã: Kết thúc việc sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã hiện nay. Trên cơ sở hướng dẫn của của cơ quan cấp trên để xem xét, sắp xếp người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tham gia công tác tại thôn, buôn và thực hiện chế độ, chính sách đối với các trường hợp không bố trí theo quy định.

**2.5.2. Số lượng cán bộ, công chức ĐVHC cấp xã**

**2.5.2.1. Số lượng cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã**

- Tổng số cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cán bộ, công chức cấp xã thuộc tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên hiện nay: 42.958 người (gồm: tỉnh Đắk Lắk 29.863người, tỉnh Phú Yên 13.095 người), trong đó:

+ Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện: 37.156 người (gồm: tỉnh Đắk Lắk 26.161 người, tỉnh Phú Yên 10.995 người).

+ Cán bộ, công chức cấp xã: 5.802 người (gồm: tỉnh Đắk Lắk 3.702người, tỉnh Phú Yên 2.100 người)*.*

**2.5.2.2. Dự kiến bố trí cán bộ, công chức ở cấp xã**

Sau khi sắp xếp 286 ĐVHC cấp xã hiện nay thành 101ĐVHC cấp xã mới thì dự kiến tổng số cán bộ, công chức làm việc tại 101 xã mới là 42.958 người (bao gồm cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện và cấp xã có mặt hiện nay). Trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thành lập thì hàng năm các ĐVHC cấp xã sẽ xây dựng kế hoạch, phương án thực hiện rà soát, đánh giá chất lượng cán bộ, công chức để bố trí sắp xếp giảm dần số lượng cán bộ, công chức dôi dư đảm bảo đủ số lượng biên chế cán bộ, công chức của một ĐVHC mới theo quy định.

**3. Phương án và lộ trình giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC**

**3.1 Mục tiêu trong việc giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC**

Đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không gây xáo trộn lớn, ảnh hưởng đến tâm lý và quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

Tinh giản gắn với cơ cấu lại đội ngũ, ưu tiên giữ lại người có năng lực, phẩm chất, đáp ứng yêu cầu công việc. Khuyến khích tự nguyện nghỉ theo diện tinh giản.

**3.2. Phương án giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC**

Trên cơ sở rà soát điều kiện, tiêu chuẩn đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tổng hợp nhu cầu của các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện việc giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động sau sắp xếp ĐVHC.

**3.2.1. Đối tượng thuộc diện tinh giản**

- Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động: dôi dư sau sắp xếp, không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm; không đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp theo quy định mới; có năng lực hạn chế, không hoàn thành nhiệm vụ trong nhiều năm; có nguyện vọng tinh giản để nghỉ hưởng chính sách.

**3.2.1. Các hình thức tinh giản biên chế**

- Tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi.

- Thôi việc hưởng chính sách (trợ cấp theo quy định).

- Chuyển công tác, bố trí công việc khác phù hợp trong cùng hệ thống nếu còn vị trí và nhu cầu.

**3.2.2. Chế độ, chính sách tinh giản biên chế**

Đối với người nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc được thực hiện giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 29/2023/NĐ-CP, Nghị định số 177/2024/NĐ-CP và Nghị định số 178/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 67/2025/NĐ-CP và các quy định có liên quan.

Đối với đội ngũ chuyển công tác, bố trí công việc khác phù hợp: Giữ nguyên chế độ, chính sách tiền lương và phụ cấp chức vụ (nếu có) hiện hưởng của cán bộ, công chức, viên chức được bố trí làm việc tại đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp trong thời gian 06 tháng kể từ khi có văn bản bố trí công tác. Sau thời hạn này, thực hiện chế độ, chính sách và phụ cấp chức vụ theo quy định của pháp luật.

**2.3. Lộ trình thực hiện:**

Sau khi trình đề án hợp nhất tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Phú Yên; UBND tỉnh Đắk Lắk chủ trì phối hợp với UBND tỉnh Phú Yên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng các đề án sáp nhập hợp nhất các sở ngành theo phương án nêu trên, theo lộ trình thời gian cụ thể sau:

- Từ tháng 4 - 6/2025: Rà soát, thống kê danh sách cán bộ, công chức, viên chức dôi dư; lập phương án tinh giản.

- Tháng 7/2025: Tổ chức xét duyệt, thẩm định hồ sơ, công khai danh sách tinh giản tại các đơn vị.

- Từ tháng 8/2025: tiếp tục thực hiện việc rà soát thực hiện chế độ, chính sách tinh giản biên chế trong 05 năm nhằm cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tinh gọn, hiệu quả.

**III. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH SẮP XẾP, XỬ LÝ TRỤ SỞ, TÀI SẢN CÔNG SAU SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

**1. Dự kiến sắp xếp bố trí trụ sở, tài sản công sau sắp xếp ĐVHC tỉnh Đắ Lắk**

Sau khi sắp xếp ĐVHC tỉnh Đắk Lắk, dự kiến sử dụng các trụ sở, tài sản công của các cơ quan, đơn vị, địa phương hiện có để bố trí phục vụ thực hiện nhiệm vụ, công tác; theo đó, trụ sở chính của các cơ quan, đơn vị sau hợp nhất sẽ đặt tại tỉnh Đắk Lắk hiện nay và nghiên cứu, xem xét, bố trí một số cơ quan, đơn vị có cơ sở 2 đặt tại tỉnh Phú Yên hiện nay. Đồng thời, tạo điều kiện, bố trí, hỗ trợ nhà ở công vụ; bố trí phương tiện di chuyển hoặc hỗ trợ nhu cầu chi phí đi lại cho cán bộ, công chức, viên chức từ Phú Yên lên công tác, làm việc tại trụ sở chính tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ổn định tổ chức bộ máy của đơn vị hành chính mới, tỉnh sẽ rà soát, sắp xếp, bố trí trụ sở và tài sản công đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

Dự kiến trụ sở làm việc của các cơ quan, đơn vị như sau:

**1.1. Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.2. Trụ sở làm việc HĐND & UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.3. Trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.4. Trụ sở làm việc Trường Chính trị tỉnh:**

Trụ sở chính: 01, Nguyễn Lương Bằng, phường Tân Hoà, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Cơ sở 2: Đường số 6, Phường Phú Đông, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**1.5.** **Trụ sở làm việc Sở Nội vụ:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.6.** **Trụ sở làm việc Sở Tư pháp:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.7. Trụ sở làm việc Sở Tài chính:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.8. Trụ sở làm việc Sở Công Thương:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.9. Trụ sở làm việc Sở Nông nghiệp và Môi trường:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.10.** **Trụ sở làm việc Sở Xây dựng:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.11.** **Trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.12. Trụ sở làm việc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.13.** **Trụ sở làm việc Sở Giáo dục và Đào tạo:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.14.** **Trụ sở làm việc Sở Y tế:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.15.** **Trụ sở làm việc Sở Dân tộc và Tôn giáo:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.16.** **Trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.17. Văn phòng UBND tỉnh:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.18. Trụ sở làm việc Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đắk Lắk:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc số 07 Trường Chinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**1.19. Trụ sở làm việc Ban Quản lý các Dự án đầu tư về xây dựng tỉnh Đắk Lắk (Ban Quản lý dự án khu vực)**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc: đường Nam Cầu Hùng Vương, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên

**1.20. Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc: Số 01 đường Nam Cầu Hùng Vương, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

**1.21. Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc số 10a Trần Hưng Đạo, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk.

**1.22. Trụ sở làm việc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng công trình giao thông và Nông nghiệp Phát triển Nông thôn:**

- Giữ nguyên Trụ sở làm việc số 25 Ngô Quyền, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi đơn vị xây dựng xong Trụ sở mới sẽ điều chuyển cho cơ quan khác.

**1.23. Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc tại Số 159 Đường Lạc Long Quân, Phường Phú Lâm, Thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

**1.24. Trụ sở làm việc Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.25. Trụ sở làm việc Đài Phát thanh và truyền hình Đắk Lắk:**

Giữ nguyên Trụ sở tại số 02 Nguyễn Tất Thành, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**1.26. Trụ sở làm việc của Báo Đắk Lắk:**

Giữ nguyên trụ sở làm việc tại số 23 Lê Duẩn, phường Tự An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**1.27. Trụ sở làm việc của Báo Phú Yên:**

Giữ nguyên trụ sở làm việc tại 62 Lê Duẩn, Phường 7, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

**1.28. Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên:**

Giữ nguyên trụ sở làm việc tại tỉnh Phú Yên.

**1.29. Trụ sở làm việc Trường Đại học Phú Yên:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc tại số 01 Nguyễn Văn Huyên, Phường 9, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.

**1.30.** **Trụ sở làm việc Trường Cao đẳng Đắk Lắk:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.31. Trụ sở làm việc Trường Cao đẳng Y tế:**

Trụ sở chính tại tỉnh Đắk Lắk và cơ sở 2 tại tỉnh Phú Yên (nếu có).

**1.32. Trụ sở làm việc Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ Thuật:**

Giữ nguyên Trụ sở làm việc số 05 Nguyễn Chí Thanh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**1.33. Trụ sở ĐVHC cấp huyện, cấp xã:**

Trụ sở làm việc của các cơ quan cấp huyện, bàn giao cho ĐVHC cấp xã quản lý, sử dụng. Trụ sở ĐVHC cấp xã thực hiện theo Phương án sắp xếp ĐVHC cấp xã của 02 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên.

Sau khi ổn định tổ chức bộ máy của ĐVHC cấp xã, tỉnh sẽ rà soát, sắp xếp, bố trí trụ sở và tài sản công đảm bảo theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương.

**2. Phương án dự phòng:**

Sau khi trao đổi với thành phố Buôn Ma Thuột, trụ sở làm việc của UBND các phường của thành phố Buôn Ma Thuột sau khi sắp xếp còn dư. Trường hợp một số cơ quan, đơn vị của tỉnh sau sắp xếp còn thiếu trụ sở làm việc sẽ tiếp tục sắp xếp bố trí để đảm bảo trụ sở làm việc sau hợp nhất.

**3. Nguồn lực:**

- Dự toán năm 2025 được UBND tỉnh bố trí của các cơ quan, đơn vị.

- Trường hợp cần sửa chữa sau sáp nhập các đơn vị có trách nhiệm rà soát báo cáo UBND tỉnh bổ sung dự toán để thực hiện.

**4. Tiến độ thực hiện:** Sau khi có quyết định hợp nhất.

**IV. PHƯƠNG ÁN VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI ĐVHC CẤP TỈNH HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP**

Tiếp tục thực hiện các chế độ, chính sách đặc thù hiện đang có hiệu lực trên địa bàn tỉnh (của tỉnh Đắk Lắk cũ và tỉnh Phú Yên); đồng thời rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với ĐVHC tỉnh mới cho đến khi bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND khóa mới.

**V. KẾ HOẠCH, LỘ TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP ĐVHC CẤP TỈNH**

1. Căn cứ định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân của 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương còn lại xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh.

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp) tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; quyết định nội dung, hình thức lấy ý kiến theo hướng dẫn của Chính phủ.

b) Sau khi có kết quả lấy ý kiến Nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì và cơ quan phối hợp) hoàn thiện đề án, gửi Hội đồng nhân dân các cấp có liên quan để xem xét, biểu quyết về chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cơ quan chủ trì) tổng hợp báo cáo chung trên cơ sở báo cáo kết quả của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cùng sáp nhập (cơ quan phối hợp).

c) Bộ Nội vụ tổ chức thẩm định nội dung đề án do các địa phương chuẩn bị, tổng hợp, xây dựng đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh trình Quốc hội.

d) Hồ sơ đề án của Chính phủ về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh kèm theo dự thảo nghị quyết của Quốc hội phải được Ủy ban Pháp luật và Tư pháp thẩm tra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến trước khi trình Quốc hội xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

2. Giao thủ trưởng các sở tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

2.1. Sở Nội vụ

a) Xây dựng, ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025, trong đó xác định yêu cầu cụ thể về lộ trình, tiến độ, trách nhiệm tổ chức thực hiện của các sở, ban, ngành, địa phương trong sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định;

b) Ban hành theo thẩm quyền hoặc chỉ đạo các sở, ngành rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền quy định, hướng dẫn về việc sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính;

c) Tổ chức sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan, tổ chức thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; chủ động phương án bố trí lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp xã đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở địa phương; ổn định đời sống của Nhân dân địa phương, bảo đảm quốc phòng, an ninh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn các đơn vị hành chính sau khi thực hiện sắp xếp;

d) Hướng dẫn, thẩm định Đề án sắp xếp các cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh theo quy định.

2.2. Giao Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn việc sử dụng kinh phí sắp xếp đơn vị hành chính; phân bổ ngân sách địa phương và phân bổ nguồn vốn đầu tư cho địa phương sau sắp xếp; xử lý tài sản công dôi dư; chế độ, chính sách đặc thù đối với đơn vị hành chính và các nội dung khác có liên quan về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

b) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, tham mưu ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính mới của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã hình thành sau sắp xếp.

2.3. Các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm hướng dẫn việc thực hiện chế độ, chính sách đặc thù và các nội dung khác có liên quan đến thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức, sắp xếp các cơ quan, đơn vị trực thuộc đóng trên địa bàn tại các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp.

2.4. Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, người lao động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật bảo đảm đồng bộ với lộ trình sắp xếp đơn vị hành chính.

2.5. Đề nghị Ban tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, thẩm định Đề án sắp xếp, sáp nhập các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Tỉnh ủy theo quy định.

2.6. Đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức tuyên truyền, vận động, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về việc sắp xếp đơn vị hành chính;

b) Chỉ đạo các ban của Hội đồng nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

2.7. Đề nghị Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận có trách nhiệm tuyên truyền, vận động Nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; đồng thời hướng dẫn, thẩm định Đề án sắp xếp, sáp nhập Cơ quan MTTQ Việt Nam, các tổ chức Chính trị - xã hội, đoàn thể tỉnh Đắk Lắk.

2.8. Trong quá trình thực hiện, Chủ tịch UBND tỉnh có trách nhiệm xem xét, ban hành văn bản hoặc ủy quyền ban hành văn bản để giải quyết các vấn đề phát sinh khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính.

**VI. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

**1. Kết luận**

- Việc sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, công việc khó, phức tạp, khối lượng công việc nhiều, do đó để thực hiện thành công phương án sắp xếp đòi hỏi phải có quyết tâm chính trị cao, cần sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất và xuyên suốt từ Trung ương, tỉnh, huyện, xã và thôn, buôn, tổ dân phố đến người dân; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, quyết liệt trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện; chú trọng và phát huy công tác tuyên truyền, vận động để tạo sự đồng thuận của Nhân dân trong quá trình thực hiện.

- Đề án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh của tỉnh Đắk Lắk đã đáp ứng được yêu cầu về tiêu chuẩn của ĐVHC cấp tỉnh theo quy định của pháp luật, phù hợp với vị trí địa lý, thuận tiện về giao thông, tạo không gian phát triển mới,… làm tiền đề quan trọng cho việc quy hoạch và phát triển kinh tế - xã hội trong chiến lược dài hạn, đồng thời đảm bảo sự nối tiếp phù hợp với phương án sắp xếp ĐVHC cấp tỉnh theo chủ trương của Bộ Chính trị, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Chính phủ.

**2. Kiến nghị, đề xuất**

Sau khi thành lập, nhập và điều chỉnh địa giới hành chính cần triển khai ngay phương án hỗ trợ chuyển đổi giấy tờ cho nhân dân, doanh nghiệp tránh gây ảnh hưởng đến đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đó, kiến nghị:

- Chính phủ sớm ban hành quy định về phân loại đơn vị hành chính cấp xã; khung biên chế và số lượng vị trí việc làm cho một đơn vị hành chính cấp xã theo phân loại đơn vị hành chính để địa phương dễ bố trí, sử dụng phù hợp cụ thể từng xã, phường theo quy mô phát triển; ban hành chức năng, nhiệm vụ của cấp xã, phân cấp, phân quyền trách nhiệm rõ ràng; rà soát, đồng bộ văn bản quy phạm pháp luật để cấp xã, cấp tỉnh hoạt động thống nhất, thông suốt; hỗ trợ kinh phí cho cấp xã, nhất là những xã khó khăn trong xây dựng trụ sở, cơ sở vật chất, đầu tư công nghệ thông tin phục vụ tốt cho việc giải quyết công việc cho Nhân dân.

- Đề nghị Bộ Tài chính xem xét, ban hành quy định chung về việc miễn giảm tất cả các loại phí, lệ phí liên quan đến việc chuyển đổi giấy tờ cho nhân dân, doanh nghiệp chịu tác động bởi sắp xếp đơn vị hành chính để các địa phương đồng bộ triển khai kịp thời việc miễn phí, lệ phí theo quy định.

- Đề nghị Bộ Xây dựng và các Bộ ngành liên quan sớm bố trí kinh phí để đầu tư xây dựng các dự án sau:

+ Đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 29 kết nối Phú Yên - Đắk Lắk với điểm đầu từ Nút giao Quốc lộ 1 (thị xã Đông Hòa), điểm cuối nút giao Quốc lộ 14 (Thị xã Buôn Hồ) có tổng chiều dài khoảng 146,76km, quy mô nền đường cấp III, tốc độ thiết kế Vtk = 60 – 80km/h, bề rộng nền đường Bnền=20,5m; mặt đường 04 làn xe.

+ Xây dựng Tuyến đường bộ cao tốc Phú Yên - Đắk Lắk, điểm đầu Cảng Bãi Gốc (Phú Yên), điểm cuối Cửa khẩu Đắk Ruê, Đắk Lắk, chiều dài khoảng 220 km, với quy mô 4-6 làn xe.

+ Đầu tư các tuyến kết nốicác tuyến đường bộ trên địa bàn tỉnh với Tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông:

. Tuyến đường dẫn kết nối Tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam với đường Nguyễn Hữu Thọ, đoạn từ Quốc lộ 1 đến đường Nguyễn Tất Thành, với chiều dài khoảng 2,37Km, quy mô nền đường 40m.

. Tuyến đường dẫn kết nối liên thông Tuyến cao tốc với QL.1D (Đường trục chính Đông - Tây, nối Xuân Lộc - Xuân Hải, thị xã Sông Cầu) với chiều dài khoảng 4,4km, quy mô nền đường rộng 36m.

. Tuyến đường dẫn kết nối từ Nút giao QL.1 với Tuyến cao tốc đến Tuyến đường ven biển Phú Yên (tuyến đường tỉnh lộ ĐT.641 nối dài) với chiều dài khoảng 7,5km, quy mô nền đường rộng 32m.

- Đề nghị Bộ Quốc phòng, Bộ Công an:

+ Nhanh chóng ổn định tổ chức, biên chế; kiện toàn các tổ chức, nhất là tổ chức Đảng; kiện toàn các Ban Chỉ đạo, Hội đồng cung cấp; điều chỉnh bổ sung Quyết tâm tác chiến và các văn kiện tác chiến khác.

+ Kịp thời có chủ trương quy hoạch xây dựng điều chỉnh thế trận khu vực phòng thủ tỉnh phù hợp với ý định tác chiến trong tình hình mới.

+ Tăng cường công tác nắm tình hình địa bàn, nhất là các địa bàn trọng điểm về quốc phòng, kịp thời tham mưu xử lý các tình huống ngay từ cơ sở không để bị động, bất ngờ; tăng cường công tác giáo dục, tuyên truyền nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong nhân dân về việc sáp nhập và bảo vệ quốc phòng - an ninh.

+ Đẩy nhanh việc xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình quốc phòng còn đang thực hiện; rà soát lại các quy hoạch trên các hướng, kịp thời bổ sung các hạng mục công trình quốc phòng mới cần xây dựng để hoàn chỉnh thế trận trong khu vực phòng thủ sẵn sàng xử trí các tình huống, không để bị động bất ngờ.

- Đề nghị Bộ Nội vụ sớm hướng dẫn việc tổ chức các đơn vị sự nghiệp công lập cung ứng các dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh sau sắp xếp (lĩnh vực việc làm, lĩnh vực lưu trữ, ...).

Trên đây là Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC cấp tỉnh, UBND tỉnh Đắk Lắk kính trình Chính phủ xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Chính phủ (b/c); * Bộ Nội vụ (thẩm định); * TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (b/c); * Ủy ban MTTQVN tỉnh; * Chủ tịch, PCT UBND tỉnh; * Sở, ban, ngành; đoàn thể tỉnh; * UBND huyện, thị xã, thành phố; * Lưu: VT, NC. | **CHỦ TỊCH** |  |

1. **Theo Địa chí Đắk Lắk, và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930-2020).** [↑](#footnote-ref-1)
2. **Theo Địa chí Đắk Lắk và Lịch sử Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk (1930-2020)** [↑](#footnote-ref-2)
3. Công văn số 357/PC06-Đ2 ngày 01/4/2025 của Công an tỉnh về việc cung cấp số liệu về dân số đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-3)
4. #### Nghị quyết số 138/NĐ-CP ngày 25/10/2022 về QHTT quốc gia thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 6/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển KT-XH và bảo đảm QPAN đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 vùng Tây Nguyên và Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 – 2030 của Ban chấp hành TW Đảng; Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

   [↑](#footnote-ref-4)
5. **Tổng cục Thống kê ước tính năm 2024 (lần 1) tại Công văn số 1332/TCTK-TKQG ngày 08/7/2024.**  [↑](#footnote-ref-5)
6. **Tổng cục Thống kê ước tính năm 2024 (lần 1) tại Công văn số 1332/TCTK-TKQG ngày 08/7/2024.**  [↑](#footnote-ref-6)
7. 03 đảng bộ lực lượng vũ trang:Quân sự, Công an, Bộ đội biên phòng; Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh Đảng bộ UBND tỉnh; Đảng bộ cơ sở Trường Đại học Tây Nguyên. [↑](#footnote-ref-7)
8. Quân sự, Công an, Bộ đội biên phòng; Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh và Đảng bộ UBND tỉnh; [↑](#footnote-ref-8)
9. Viết theo hướng dẫn tại mẫu Đề án kèm theo Nghị quyết 76/2025/UBTVQH15 [↑](#footnote-ref-9)
10. () Có Đề án của Đảng bộ tỉnh đính kèm. [↑](#footnote-ref-10)
11. () Có Đề án của Khối Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh đính kèm. [↑](#footnote-ref-11)
12. () Có Đề án của Đoàn địa biểu Quốc Hội đính kèm. [↑](#footnote-ref-12)
13. () Có Đề án sắp xếp sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đính kèm. [↑](#footnote-ref-13)
14. () Có Đề án của Đảng bộ tỉnh đính kèm. [↑](#footnote-ref-14)